BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

Số: 4346 /TKB -TĐHHN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Hà Nội, ngày 04 tháng 11 năm 2020

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2020 - 2021

Áp dụng cho sinh viên đại học chính quy khóa 10

1. Quy định về thời gian giảng dạy

*Sáng:
- Tiết 1: 07h00 - 07h50
- Tiết 2: 07h55 - 08h45
- Tiết 3: 08h50 - 09h40
- Tiết 4: 09h50 - 10h40
- Tiết 5: 10h45 - 11h35

*Chiều:
- Tiết 6: 12h30 - 13h20
- Tiết 7: 13h25 - 14h15
- Tiết 8: 14h20 - 15h10
- Tiết 9: 15h20 - 16h10
- Tiết 10: 16h15 - 17h05

2. Quy định về chữ viết tắt

- LT: Lý thuyết
- TH: Thực hành
- PH: Phân hiệu
- CS1: Cơ sở 1

3. Thời khóa biểu

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần														Ghi chú
									Thứ Hai		Thứ Ba		Thứ Tư		Thứ Năm		Thứ Sáu		Thứ Bẩy		Chủ Nhật		
									Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
1	ĐH10KE1	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	1	27/11 - 03/122020	Phạm Thế Mạnh	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH			
2	ĐH10KE1	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	9	19/10 - 08/11/2020 14/12 - 24/01/2021	Mai Ngọc Uyên	1,2,3,4,5	A.206													
3	ĐH10KE1	Pháp luật đại cương	2	LT	30	8	19/10 - 08/11/2020 07/12 - 10/01/2021	Bùi Thị Thu Hường			4,5	A.303	4,5	A.206									
4	ĐH10KE1	Quản trị học	2	LT	30	10	19/10 - 08/11/2020 07/12 - 24/01/2021	Phạm Văn Hoàng					1,2,3	A.206									
5	ĐH10KE1	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 08/11/2020 07/12 - 24/01/2021	Đào Thị Thùy Linh			6,7,8,9	A.206											
6	ĐH10KE1	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Đào Thị Thùy Linh			6,7,8,9,10	A.206											
7	ĐH10KE1	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 - 08/11/2020 07/12 - 24/01/2021	Vũ Quang Hải							2,3,4,5	A.206							
8	ĐH10KE1	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Vũ Quang Hải							1,2,3,4,5	A.206							
9	ĐH10KE1	Đường lối quốc phòng và an ninh của ĐCSVN	3	LT	45	1	09/11 - 13/11/2020	Bùi Tiến Trịnh	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.206	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.206	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.206	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.206	1,2,3,4,5	A.206					
10	ĐH10KE1	Công tác quốc phòng và an ninh	2	LT	30	1	16/11 - 18/11/2020	Bùi Tiến Trịnh	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.206	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.206	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.206									
11	ĐH10KE1	Quân sự chung	1	TH	30	1	23/11-26/11/2020	Phạm Đình Tâm	6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5	PH							
12	ĐH10KE1	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	TH	60	2	26/11 - 05/12/2020	Phạm Đình Tâm	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5	PH	
13	ĐH10KE2	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	1	27/11 - 03/122020	Mai Thí Thủy	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH			
14	ĐH10KE2	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 08/11/2020 07/12 - 24/01/2021	Vũ Thị Thanh Thủy					7,8,9,10	A.206									
15	ĐH10KE2	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2020	Vũ Thị Thanh Thủy					6,7,8,9,10	A.206									
16	ĐH10KE2	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 08/11/2020 14/12 - 31/01/2021	Vũ Thị Thùy Dung	6,7,8	A.206													

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần														Ghi chú
									Thứ Hai		Thứ Ba		Thứ Tư		Thứ Năm		Thứ Sáu		Thứ Bẩy		Chủ Nhật		
17	ĐH10KE2	Quản trị học	2	LT	30	8	19/10 - 08/11/2020 09/12 - 10/01/2021	Hoàng Thị Mai	9,10	A.206			4,5	A.501									
18	ĐH10KE2	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 08/11/2020 07/12 - 24/01/2021	Đào Thị Thùy Linh			2,3,4,5	A.206											
19	ĐH10KE2	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Đào Thị Thùy Linh			1,2,3,4,5	A.206											
20	ĐH10KE2	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 - 08/11/2020 07/12 - 24/01/2021	Nguyễn Gia Thọ Đinh Mai Thanh							6,7,8,9	A.206							
21	ĐH10KE2	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Nguyễn Gia Thọ Đinh Mai Thanh							6,7,8,9,10	A.206							
22	ĐH10KE2	Đường lối quốc phòng và an ninh của ĐCSVN	3	LT	45	1	09/11 - 13/11/2020	Lê Đình Nam	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5	B.706					
23	ĐH10KE2	Công tác quốc phòng và an ninh	2	LT	30	1	16/11 - 18/11/2020	Lê Đình Nam	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706									
24	ĐH10KE2	Quân sự chung	1	TH	30	1	23/11-26/11/2020	Lê Đình Nam	6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5	PH							
25	ĐH10KE2	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	TH	60	2	26/11 - 05/12/2020	Lê Đình Nam	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5	PH	
26	ĐH10KE3	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	1	27/11 - 03/122020	Mai Thị Thúy	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH			
27	ĐH10KE3	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 08/11/2020 07/12 - 24/01/2021	Nguyễn Thị Luyến Hoàng Thu Nga			2,3,4,5	A.208											
28	ĐH10KE3	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Nguyễn Thị Luyến Hoàng Thu Nga			1,2,3,4,5	A.208											
29	ĐH10KE3	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 08/11/2020 07/12 - 24/01/2021	Bùi Thị Thu Hường							1,2,3	A.208							
30	ĐH10KE3	Quản trị học	2	LT	30	8	19/10 - 08/11/2020 10/12 - 24/01/2021	Phạm Văn Hoàng	9,10	A.110					4,5	A.208							
31	ĐH10KE3	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 08/11/2020 07/12 - 24/01/2021	Nguyễn Thị Hoa					6,7,8,9	A.208									
32	ĐH10KE3	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Nguyễn Thị Hoa					6,7,8,9,10	A.208									
33	ĐH10KE3	Kinh tế vi mô	3	LT	45	9	19/10 - 08/11/2020 14/12 - 24/01/2021	Nguyễn Gia Thọ Đinh Mai Thanh	1,2,3,4,5	A.208													
34	ĐH10KE3	Đường lối quốc phòng và an ninh của ĐCSVN	3	LT	45	1	09/11 - 13/11/2020	Lê Đình Nam	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5	B.706					
35	ĐH10KE3	Công tác quốc phòng và an ninh	2	LT	30	1	16/11 - 18/11/2020	Lê Đình Nam	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706									
36	ĐH10KE3	Quân sự chung	1	TH	30	1	23/11-26/11/2020	Trần Thanh Hanh	6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5	PH							
37	ĐH10KE3	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	TH	60	2	26/11 - 05/12/2020	Trần Thanh Hanh	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5	PH	
38	ĐH10KE4	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	13/11 - 19/11/2020	Phạm Thế Mạnh	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH			
39	ĐH10KE4	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 08/11/2020 07/12 - 24/01/2021	Nguyễn Thị Luyến Hoàng Thu Nga			7,8,9,10	A.208											
40	ĐH10KE4	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Nguyễn Thị Luyến Hoàng Thu Nga			6,7,8,9,10	A.208											
41	ĐH10KE4	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 08/11/2020 07/12 - 24/01/2021	Bùi Thị Thu Hường							6,7,8	A.208							
42	ĐH10KE4	Quản trị học	2	LT	30	8	19/10 - 08/11/2020 07/12 - 10/01/2021	Phạm Văn Hoàng	4,5	A.505					9,10	A.208							
43	ĐH10KE4	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 08/11/2020 07/12 - 24/01/2021	Đỗ Mai Quyên					1,2,3,4	A.208									
44	ĐH10KE4	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Đỗ Mai Quyên					1,2,3,4,5	A.208									

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần														Ghi chú
									Thứ Hai		Thứ Ba		Thứ Tư		Thứ Năm		Thứ Sáu		Thứ Bẩy		Chủ Nhật		
45	ĐH10KE4	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 - 08/11/2020 07/12 - 24/01/2021	Đỗ Thị Dinh Đinh Mai Thanh	7,8,9,10	A.208													
46	ĐH10KE4	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Đỗ Thị Dinh Đinh Mai Thanh	6,7,8,9,10	A.208													
47	ĐH10KE4	Đường lối quốc phòng và an ninh của ĐCSVN	3	LT	45	1	24/11 - 28/11/2020	Đặng Quang Thụ			1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5	B.706			
48	ĐH10KE4	Công tác quốc phòng và an ninh	2	LT	30	1	30/11 - 02/12/2020	Đặng Quang Thụ	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706									
49	ĐH10KE4	Quân sự chung	1	TH	30	1	09/11 - 12/12/2020	Nguyễn Đình Tú	6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5	PH							
50	ĐH10KE4	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	TH	60	2	12/11 - 21/11/2020	Nguyễn Đình Tú	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5	PH	
51	ĐH10KE5	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	13/11 - 19/11/2020	Mai Thí Thùy	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH			
52	ĐH10KE5	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	9	19/10 - 08/11/2020 07/12 - 24/01/2021	Mai Thị Thu Hằng							1,2,3,4,5	A.606							
53	ĐH10KE5	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 08/11/2020 07/12 - 24/01/2021	Vũ Thị Thùy Dung					1,2,3	A.210									
54	ĐH10KE5	Quản trị học	2	LT	30	8	19/10 - 08/11/2020 07/12 - 10/01/2021	Phạm Thị Phượng					4,5	A.210			9,10	C.202					
55	ĐH10KE5	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 08/11/2020 07/12 - 24/01/2021	Triệu Thùy Hương							6,7,8,9	A.210							
56	ĐH10KE5	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Triệu Thùy Hương							6,7,8,9,10	A.210							
57	ĐH10KE5	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 - 08/11/2020 07/12 - 24/01/2021	Nguyễn Gia Thọ			2,3,4,5	A.210											
58	ĐH10KE5	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Nguyễn Gia Thọ			1,2,3,4,5	A.210											
59	ĐH10KE5	Đường lối quốc phòng và an ninh của ĐCSVN	3	LT	45	1	24/11 - 28/11/2020	Đặng Quang Thụ			1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5	B.706			
60	ĐH10KE5	Công tác quốc phòng và an ninh	2	LT	30	1	30/11 - 02/12/2020	Đặng Quang Thụ	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706									
61	ĐH10KE5	Quân sự chung	1	TH	30	1	09/11 - 12/11/2020	Nguyễn Thanh Sơn	6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5	PH							
62	ĐH10KE5	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	TH	60	2	12/11 - 21/11/2020	Nguyễn Thanh Sơn	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5	PH	
63	ĐH10KE6	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	1	13/11 - 19/11/2020	Mai Thị Thúy	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH			
64	ĐH10KE6	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	9	19/10 - 08/11/2020 07/12 - 24/01/2021	Mai Ngọc Uyên									6,7,8,9,10	A.210					
65	ĐH10KE6	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 08/11/2020 07/12 - 24/01/2021	Vũ Thị Thùy Dung					6,7,8	A.210									
66	ĐH10KE6	Quản trị học	2	LT	30	8	19/10 - 08/11/2020 07/12 - 10/01/2021	Phạm Thị Phượng					9,10	A.210			4,5	M.303					
67	ĐH10KE6	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 08/11/2020 07/12 - 24/01/2021	Ngô Thị Hà							1,2,3,4	A.210							
68	ĐH10KE6	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Ngô Thị Hà							1,2,3,4,5	A.210							
69	ĐH10KE6	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 - 08/11/2020 07/12 - 24/01/2021	Đỗ Thị Dinh Đinh Mai Thanh			6,7,8,9	A.210											
70	ĐH10KE6	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Đỗ Thị Dinh Đinh Mai Thanh			6,7,8,9,10	A.210											
71	ĐH10KE6	Đường lối quốc phòng và an ninh của ĐCSVN	3	LT	45	1	24/11 - 28/11/2020	Nguyễn Thanh Sơn			1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.206	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.206	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.206	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.206	1,2,3,4,5	A.206			

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần														Ghi chú
									Thứ Hai		Thứ Ba		Thứ Tư		Thứ Năm		Thứ Sáu		Thứ Bẩy		Chủ Nhật		
72	ĐH10KE6	Công tác quốc phòng và an ninh	2	LT	30	1	30/11 - 02/11/2020	Nguyễn Thanh Sơn	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.206	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.206	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.206									
73	ĐH10KE6	Quân sự chung	1	TH	30	1	09/11 - 12/11/2020	Trần Thanh Hanh	6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5	PH							
74	ĐH10KE6	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	TH	60	2	12/11 - 21/11/2020	Trần Thanh Hanh	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5	PH	
75	ĐH10KE7	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	25/12 - 31/12/2020	Phạm Thế Mạnh	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH			
76	ĐH10KE7	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 06/12/2020 11/01 - 24/01/2021	Lê Thị Thùy Dung	1,2,3,4,5	A.301													
77	ĐH10KE7	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 06/12/2020 04/01 - 24/01/2021	Phạm Quang Phương							1,2,3	A.301							
78	ĐH10KE7	Quản trị học	2	LT	30	8	19/10 - 06/12/2020 04/01 - 10/01/2021	Hoàng Thị Mai			9,10	A.506			4,5	A.301							
79	ĐH10KE7	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 06/12/2020 04/01 - 24/01/2021	Đào Thị Thùy Linh									6,7,8,9	A.301					
80	ĐH10KE7	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Đào Thị Thùy Linh									6,7,8,9,10	A.301					
81	ĐH10KE7	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 - 06/12/2020 04/01 - 24/01/2021	Đỗ Thị Dinh					2,3,4,5	A.301									
82	ĐH10KE7	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Đỗ Thị Dinh					1,2,3,4,5	A.301									
83	ĐH10KE7	Đường lối quốc phòng và an ninh của ĐCSVN	3	LT	45	1	07/12 - 11/12/2020	Phạm Đình Tâm	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5	B.706					
84	ĐH10KE7	Công tác quốc phòng và an ninh	2	LT	30	1	14/12 - 16/12/2020	Phạm Đình Tâm	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706									
85	ĐH10KE7	Quân sự chung	1	TH	30	1	21/12 - 24/12/2020	Phạm Đình Tâm	6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5	PH							
86	ĐH10KE7	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	TH	60	2	24/12 - 3/01/2021	Phạm Đình Tâm	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5	PH	
87	ĐH10KE8	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	25/12 - 31/12/2020	Mai Thí Thủy	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH			
88	ĐH10KE8	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	9	19/10 - 06/12/2020 11/01 - 24/01/2021	Lê Thị Thùy Dung	6,7,8,9,10	A.301													
89	ĐH10KE8	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 06/12/2020 04/01 - 24/01/2021	Trần Nguyễn Thị Tâm Đan							6,7,8	A.301							
90	ĐH10KE8	Quản trị học	2	LT	30	8	19/10 - 06/12/2020 04/01 - 10/01/2021	Phạm Thị Phượng			6,7,8,9	A.301											
91	ĐH10KE8	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 06/12/2020 04/01 - 24/01/2021	Triệu Thùy Hương									2,3,4,5	A.301					
92	ĐH10KE8	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Triệu Thùy Hương									1,2,3,4,5	A.301					
93	ĐH10KE8	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 - 06/12/2020 04/01 - 24/01/2021	Vũ Quang Hải					6,7,8,9	A.301									
94	ĐH10KE8	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Vũ Quang Hải					6,7,8,9,10	A.301									
95	ĐH10KE8	Đường lối quốc phòng và an ninh của ĐCSVN	3	LT	45	1	07/12 - 11/12/2020	Phạm Đình Tâm	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5	B.706					
96	ĐH10KE8	Công tác quốc phòng và an ninh	2	LT	30	1	14/12 - 16/12/2020	Phạm Đình Tâm	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706									
97	ĐH10KE8	Quân sự chung	1	TH	30	1	21/12 - 24/12/2020	Nguyễn Đình Tú	6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5	PH							
98	ĐH10KE8	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	TH	60	2	24/12 - 3/01/2021	Nguyễn Đình Tú	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5	PH	
99	ĐH10KE9	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	1	25/12 - 31/12/2020	Mai Thị Thúy	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH			

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần														Ghi chú
									Thứ Hai		Thứ Ba		Thứ Tư		Thứ Năm		Thứ Sáu		Thứ Bẩy		Chủ Nhật		
100	ĐH10KE9	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 06/12/2020 04/01 - 24/01/2021	Lê Thị Thùy Dung			2,3,4,5	A.302											
101	ĐH10KE9	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Lê Thị Thùy Dung			1,2,3,4,5	A.302											
102	ĐH10KE9	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 06/12/2020 04/01 - 24/01/2021	Nguyễn Văn Tám									1,2,3	A.302					
103	ĐH10KE9	Quản trị học	2	LT	30	8	19/10 - 06/12/2020 04/01 - 10/01/2021	Lê Hoàng					2,3,4,5	A.302									
104	ĐH10KE9	Tiếng Anh 1	3	LT	45	9	19/10 - 06/12/2020 11/01 - 24/01/2021	Đào Thị Thùy Linh	1,2,3,4,5	A.302													
105	ĐH10KE9	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 - 06/12/2020 04/01 - 24/01/2021	Lê Thị Bích Lan							2,3,4,5	A.302							
106	ĐH10KE9	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Lê Thị Bích Lan							1,2,3,4,5	A.302							
107	ĐH10KE9	Đường lối quốc phòng và an ninh của ĐCSVN	3	LT	45	1	07/12 - 11/12/2020	Bùi Tiến Trịnh	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.302	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.302	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.302	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.302	1,2,3,4,5	A.302					
108	ĐH10KE9	Công tác quốc phòng và an ninh	2	LT	30	1	14/12 - 16/12/2020	Bùi Tiến Trịnh	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.302	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.302	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.302									
109	ĐH10KE9	Quân sự chung	1	TH	30	1	21/12 - 24/12/2020	Trần Thanh Hanh	6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5	PH							
110	ĐH10KE9	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	TH	60	2	24/12 - 3/01/2021	Trần Thanh Hanh	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5	PH	
111	ĐH10KE10	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	11/12 - 17/12/2020	Phạm Thế Mạnh	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH			
112	ĐH10KE10	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 06/12/2020 04/01 - 24/01/2021	Lê Thị Thùy Dung			7,8,9,10	A.302											
113	ĐH10KE10	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Lê Thị Thùy Dung			6,7,8,9,10	A.302											
114	ĐH10KE10	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 06/12/2020 04/01 - 24/01/2021	Nguyễn Thị Bích									6,7,8	A.302					
115	ĐH10KE10	Quản trị học	2	LT	30	10	19/10 - 06/12/2020 04/01 - 24/01/2021	Lê Hoàng					6,7,8	A.302									
116	ĐH10KE10	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 06/12/2020 04/01 - 24/01/2021	Trần Thị Thùy Linh	6,7,8,9	A.302													
117	ĐH10KE10	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Trần Thị Thùy Linh	6,7,8,9,10	A.302													
118	ĐH10KE10	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 - 06/12/2020 04/01 - 24/01/2021	Vũ Quang Hải							6,7,8,9	A.302							
119	ĐH10KE10	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Vũ Quang Hải							6,7,8,9,10	A.302							
120	ĐH10KE10	Đường lối quốc phòng và an ninh của ĐCSVN	3	LT	45	1	22/12 - 26/12/2020	Lê Đình Nam			1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.302	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.302	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.302	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.302	1,2,3,4,5	A.206			
121	ĐH10KE10	Công tác quốc phòng và an ninh	2	LT	30	1	28/12 - 30/12/2020	Lê Đình Nam	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.302	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.302	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.302									
122	ĐH10KE10	Quân sự chung	1	TH	30	1	07/12 - 10/12/2020	Nguyễn Đình Tú	6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5	PH							
123	ĐH10KE10	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	TH	60	2	10/12 - 19/12/2020	Nguyễn Đình Tú	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5	PH	
124	ĐH10KE11	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	11/12 - 17/12/2020	Mai Thí Thủy	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH			
125	ĐH10KE11	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 06/12/2020 04/01 - 24/01/2021	Mai Ngọc Uyên									2,3,4,5	C.202					
126	ĐH10KE11	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Mai Ngọc Uyên									1,2,3,4,5	C.202					
127	ĐH10KE11	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 06/12/2020 04/01 - 24/01/2021	Nguyễn Thị Phương Hồng							1,2,3	A.506							

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần														Ghi chú
									Thứ Hai		Thứ Ba		Thứ Tư		Thứ Năm		Thứ Sáu		Thứ Bẩy		Chủ Nhật		
128	ĐH10KE11	Quản trị học	2	LT	30	10	19/10 - 06/12/2020 04/01 - 24/01/2021	Lê Hoàng							4,5	A.506							
129	ĐH10KE11	Quản trị học	2	LT	30	1	25/01 - 31/01/2021	Lê Hoàng					1,2,3,4,5	A.304	1,2,3,4,5	A.506							
130	ĐH10KE11	Tiếng Anh 1	3	LT	45	9	19/10 - 06/12/2020 04/01 - 17/01/2021	Đặng Đức Chính Trần Vũ Anh					1,2,3,4,5	A.304									
131	ĐH10KE11	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 - 06/12/2020 04/01 - 24/01/2021	Trần Tuấn Anh	2,3,4,5	A.503													
132	ĐH10KE11	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Trần Tuấn Anh	1,2,3,4,5	A.503													
133	ĐH10KE11	Đường lối quốc phòng và an ninh của ĐCSVN	3	LT	45	1	22/12 - 26/12/2020	Nguyễn Thanh Sơn			1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5	B.706			
134	ĐH10KE11	Công tác quốc phòng và an ninh	2	LT	30	1	28/12 - 30/12/2020	Nguyễn Thanh Sơn	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706									
135	ĐH10KE11	Quân sự chung	1	TH	30	1	07/12 - 10/12/2020	Nguyễn Thanh Sơn	6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5	PH							
136	ĐH10KE11	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	TH	60	2	10/12 - 19/12/2020	Nguyễn Thanh Sơn	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5	PH	
137	ĐH10KE12	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	1	11/12 - 17/12/2020	Mai Thị Thúy	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH			
138	ĐH10KE12	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 06/12/2020 04/01 - 24/01/2021	Ngô Quang Duy	7,8,9, 10	A.202													
139	ĐH10KE12	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Ngô Quang Duy	6,7,8,9,10	A.202													
140	ĐH10KE12	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 06/12/2020 04/01 - 24/01/2021	Vũ Thị Thùy Dung							6,7,8	A.304							
141	ĐH10KE12	Quản trị học	2	LT	30	10	19/10 - 06/12/2020 04/01 - 24/01/2021	Lê Hoàng							9,10	A.304							
142	ĐH10KE12	Quản trị học	2	LT	30	1	25/01 - 31/01/2021	Lê Hoàng					6,7,8,9,10	A.304	6,7,8,9,10	A.304							
143	ĐH10KE12	Tiếng Anh 1	3	LT	45	9	19/10 - 06/12/2020 04/01 - 17/01/2021	Nguyễn Thị Thu Hằng					6,7,8,9,10	A.304									
144	ĐH10KE12	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 - 06/12/2020 04/01 - 24/01/2021	Cao Thị Bích Ngọc									6,7,8,9	A.402					
145	ĐH10KE12	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Cao Thị Bích Ngọc									6,7,8,9,10	A.402					
146	ĐH10KE12	Đường lối quốc phòng và an ninh của ĐCSVN	3	LT	45	1	22/12 - 26/12/2020	Nguyễn Thanh Sơn			1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5	B.706			
147	ĐH10KE12	Công tác quốc phòng và an ninh	2	LT	30	1	28/12 - 30/12/2020	Nguyễn Thanh Sơn	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706									
148	ĐH10KE12	Quân sự chung	1	TH	30	1	07/12 - 10/12/2020	Lê Đình Nam	6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5	PH							
149	ĐH10KE12	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	TH	60	2	10/12 - 19/12/2020	Lê Đình Nam	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5	PH	
150	ĐH10KE13	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	LT	30	10	22/01 - 28/01/2020	Phạm Thế Mạnh	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH			
151	ĐH10KE13	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	9	19/10 - 20/12/2020	Mai Thị Thu Hằng									1,2,3,4,5	A.501					
152	ĐH10KE13	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Bích					1,2,3	A.108									
153	ĐH10KE13	Quản trị học	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Phạm Văn Hoàng					4,5	A.108									
154	ĐH10KE13	Quản trị học	2	LT	30	1	21/12 - 27/12/2020	Phạm Văn Hoàng									1,2,3,4,5	A.501					
155	ĐH10KE13	Quản trị học	2	LT	30	1	28/12 - 03/01/2021	Phạm Văn Hoàng					1,2,3,4,5	A.108									

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần														Ghi chú
									Thứ Hai		Thứ Ba		Thứ Tư		Thứ Năm		Thứ Sáu		Thứ Bẩy		Chủ Nhật		
156	ĐH10KE13	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Trần Xuân Hào							2,3,4,5	C.202							
157	ĐH10KE13	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Trần Xuân Hào							1,2,3,4,5	C.202							
158	ĐH10KE13	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Vũ Quang Hải			2,3,4,5	A.204											
159	ĐH10KE13	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Vũ Quang Hải			1,2,3,4,5	A.204											
160	ĐH10KE13	Đường lối quốc phòng và an ninh của ĐCSVN	3	LT	45	1	04/01 - 8/01/2021	Lê Đức Thiện	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.305	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.305	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.305	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.305	1,2,3,4,5	A.305					
161	ĐH10KE13	Công tác quốc phòng và an ninh	2	LT	30	1	11/01 - 13/01/2021	Lê Đức Thiện	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.305	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.305	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.305									
162	ĐH10KE13	Quân sự chung	1	TH	30	1	18/01 - 21/01/2021	Nguyễn Đình Tú	6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5	PH							
163	ĐH10KE13	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	TH	60	2	21/01 - 30/01/2021	Nguyễn Đình Tú	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5	PH	
164	ĐH10KE14	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	LT	30	10	22/01 - 28/01/2020	Mai Thị Thủy	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH			
165	ĐH10KE14	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	9	19/10 - 20/12/2020	Mai Thị Thu Hằng									6,7,8,9,10	A.404					
166	ĐH10KE14	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Bích					6,7,8	A.501									
167	ĐH10KE14	Quản trị học	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Phạm Văn Hoàng					9,10	A.501									
168	ĐH10KE14	Quản trị học	2	LT	30	1	21/12 - 27/12/2020	Phạm Văn Hoàng									6,7,8,9,10	A.404					
169	ĐH10KE14	Quản trị học	2	LT	30	1	28/12 - 03/01/2021	Phạm Văn Hoàng					6,7,8,9,10	A.501									
170	ĐH10KE14	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Ngô Thị Hà							6,7,8,9	A.303							
171	ĐH10KE14	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Ngô Thị Hà							6,7,8,9,10	A.303							
172	ĐH10KE14	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Cao Thị Bích Ngọc			7,8,9,10	A.304											
173	ĐH10KE14	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Cao Thị Bích Ngọc			6,7,8,9,10	A.304											
174	ĐH10KE14	Đường lối quốc phòng và an ninh của ĐCSVN	3	LT	45	1	04/01 - 8/01/2021	Phạm Đình Tâm	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5	B.706					
175	ĐH10KE14	Công tác quốc phòng và an ninh	2	LT	30	1	11/01 - 13/01/2021	Phạm Đình Tâm	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706									
176	ĐH10KE14	Quân sự chung	1	TH	30	1	18/01 - 21/01/2021	Phạm Đình Tâm	6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5	PH							
177	ĐH10KE14	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	TH	60	2	21/01 - 30/01/2021	Phạm Đình Tâm	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5	PH	
178	ĐH10SH+TĐ+K+TNN+KĐ	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Vũ Thị Nhàn					8,9,10	CS1									
179	ĐH10SH+TĐ+BK+K+TNN+KĐ+QB+T	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Mai Ngọc Uyên			2,3,4,5	A.510											
180	ĐH10SH+TĐ+BK+K+TNN+KĐ+QB+T	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Mai Ngọc Uyên			1,2,3,4,5	A.510											

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần														
									Thứ Hai		Thứ Ba		Thứ Tư		Thứ Năm		Thứ Sáu		Thứ Bẩy		Chủ Nhật		Ghi chú
181	ĐH10SH+TĐ+BK+K+TNN+KĐ+QB+T	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Hoàng Trường Giang					1,2,3,4	A.410									
182	ĐH10SH+TĐ+BK+K+TNN+KĐ+QB+T	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Hoàng Trường Giang					1,2,3,4,5	A.410									
183	ĐH10KTTN1	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Hồng Thắm					1,2,3	CS1									
184	ĐH10KTTN1	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đỗ Minh Anh			7,8,9,10	A.1001											
185	ĐH10KTTN1	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Đỗ Minh Anh			6,7,8,9,10	A.1001											
186	ĐH10KTTN1	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đặng Đức Chính - Trần Vũ Anh	7,8,9,10	A.1001													
187	ĐH10KTTN1	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Đặng Đức Chính - Trần Vũ Anh	6,7,8,9,10	A.1001													
188	ĐH10KTTN1	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Bích			1,2,3	A.301					1,2,3	A.106					
189	ĐH10KTTN1	Toán cao cấp	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Trương Thị Hường	2,3,4,5	A.1001													
190	ĐH10KTTN1	Toán cao cấp	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Trương Thị Hường	1,2,3,4,5	A.1001													
191	ĐH10KTTN1	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Trần Tuấn Anh							2,3,4,5	A.1001							
192	ĐH10KTTN1	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Trần Tuấn Anh							1,2,3,4,5	A.1001							
193	ĐH10KTTN1	Quản trị học	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Lê Hoàng									4,5	A.106					
194	ĐH10KTTN1	Quản trị học	2	LT	30	1	28/12 - 03/01/2021	Lê Hoàng									1,2,3,4,5	A.106					
195	ĐH10KTTN1	Quản trị học	2	LT	30	1	04/01 - 10/01/2021	Lê Hoàng	1,2,3,4,5	A.1001													
196	ĐH10KTTN2	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	24	8	02/11 - 27/12/2020	Nguyễn Việt Hà									1,2,3	CS1					Bổ sung lớp
197	ĐH10KTTN2	Triết học Mác – Lênin	3	LT	37	8	02/11 - 27/12/2020	Mai Ngọc Uyên			7,8,9,10	N.201											Bổ sung lớp
198	ĐH10KTTN2	Triết học Mác – Lênin	3	LT	37	1	28/12 - 03/01/2021	Mai Ngọc Uyên			6,7,8,9,10	N.201											Bổ sung lớp
199	ĐH10KTTN2	Tiếng Anh 1	3	LT	37	8	02/11 - 27/12/2020	Đặng Đức Chính	2,3,4,5	N.201													Bổ sung lớp
200	ĐH10KTTN2	Tiếng Anh 1	3	LT	37	1	28/12 - 03/01/2021	Đặng Đức Chính	1,2,3,4,5	N.201													Bổ sung lớp
201	ĐH10KTTN2	Pháp luật đại cương	2	LT	24	8	02/11 - 27/12/2020	Phạm Quang Phương									6,7,8	N.201					Bổ sung lớp

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần														Ghi chú
									Thứ Hai		Thứ Ba		Thứ Tư		Thứ Năm		Thứ Sáu		Thứ Bẩy		Chủ Nhật		
202	ĐH10KTTN2	Toán cao cấp	3	LT	37	8	02/11 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Huyền					7,8,9,10	N.201									Bổ sung lớp
203	ĐH10KTTN2	Toán cao cấp	3	LT	37	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Thị Huyền					6,7,8,9,10	N.201									Bổ sung lớp
204	ĐH10KTTN2	Kinh tế vi mô	3	LT	37	8	02/11 - 27/12/2020	Nguyễn Vân Dung							7,8,9,10	A.807							Bổ sung lớp
205	ĐH10KTTN2	Kinh tế vi mô	3	LT	37	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Vân Dung							6,7,8,9,10	A.807							Bổ sung lớp
206	ĐH10KTTN2	Quản trị học	2	LT	26	7	02/11 - 20/12/2020	Phạm Thị Phượng					1,2,3	A.807									Bổ sung lớp
207	ĐH10QTKD1	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	1	22/01 - 28/01/2020	Mai Thị Thúy	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH			
208	ĐH10QTKD1	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Mai Thị Thu Hằng							7,8,9,10	A.305							
209	ĐH10QTKD1	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Mai Thị Thu Hằng							6,7,8,9,10	A.305							
210	ĐH10QTKD1	Kỹ năng mềm	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Trần Quốc Việt			6,7,8	A.305											
211	ĐH10QTKD1	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Phạm Thị Hồng Quế					6,7,8,9	A.305									
212	ĐH10QTKD1	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Phạm Thị Hồng Quế					6,7,8,9,10	A.305									
213	ĐH10QTKD1	Tin học đại cương	2	LT	21	7	19/10 - 06/12/2020	Phạm Thị Thanh Thủy			1,2,3	A.701											
214	ĐH10QTKD1	Tin học đại cương	2	TH	18	7	19/10 - 06/12/2020	Phạm Thị Thanh Thủy			4,5	A.701											
215	ĐH10QTKD1	Tin học đại cương	2	TH	18	1	07/12 - 13/12/2020	Phạm Thị Thanh Thủy			2,3,4,5	A.701											
216	ĐH10QTKD1	Kinh tế vi mô	3	LT	45	9	19/10 - 20/12/2020	Lê Thị Bích Lan	6,7,8	A.305							9,10	A.305					
217	ĐH10QTKD1	Quản trị học	3	LT	45	9	19/10 - 20/12/2020	Hà Quỳnh Mai	9,10	A.305							6,7,8	A.305					
218	ĐH10QTKD1	Đường lối quốc phòng và an ninh của ĐCSVN	3	LT	45	1	04/01 - 8/01/2021	Phạm Đình Tâm	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5	B.706					
219	ĐH10QTKD1	Công tác quốc phòng và an ninh	2	LT	30	1	11/01 - 13/01/2021	Phạm Đình Tâm	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706									
220	ĐH10QTKD1	Quân sự chung	1	TH	30	1	18/01 - 21/01/2021	Trần Thanh Hanh	6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5	PH							
221	ĐH10QTKD1	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	TH	60	2	21/01 - 30/01/2021	Trần Thanh Hanh	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5	PH	
222	ĐH10QTKD2	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	08/01 - 14/01/2021	Phạm Thế Mạnh	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH			
223	ĐH10QTKD2	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Vũ Thị Thanh Thủy					2,3,4,5	A.305									
224	ĐH10QTKD2	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Vũ Thị Thanh Thủy					1,2,3,4,5	A.305									
225	ĐH10QTKD2	Kỹ năng mềm	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Ngô Thị Mến Thương	2,3,4	A.305													Điều chỉnh
226	ĐH10QTKD2	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Phú Cường			2,3,4,5	A.305											
227	ĐH10QTKD2	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Phú Cường			1,2,3,4,5	A.305											
228	ĐH10QTKD2	Tin học đại cương	2	LT	21	7	19/10 - 06/12/2020	Phạm Thị Thanh Thủy			6,7,8	A.701											
229	ĐH10QTKD2	Tin học đại cương	2	TH	18	7	19/10 - 06/12/2020	Phạm Thị Thanh Thủy			9,10	A.701											

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần														Ghi chú
									Thứ Hai		Thứ Ba		Thứ Tư		Thứ Năm		Thứ Sáu		Thứ Bẩy		Chủ Nhật		
230	ĐH10QTKD2	Tin học đại cương	2	TH	18	1	07/12 - 13/12/2020	Phạm Thị Thanh Thủy			6,7,8,9	A.701											
231	ĐH10QTKD2	Kinh tế vi mô	3	LT	45	9	19/10 - 20/12/2020	Trần Thu Hằng							1,2,3	A.305	4,5	A.305					
232	ĐH10QTKD2	Quản trị học	3	LT	45	9	19/10 - 20/12/2020	Phạm Thị Phượng							4,5	A.305	1,2,3	A.305					
233	ĐH10QTKD2	Đường lối quốc phòng và an ninh của ĐCSVN	3	LT	45	1	19/01 - 24/01/2021	Nguyễn Thanh Sơn			1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5	B.706			
234	ĐH10QTKD2	Công tác quốc phòng và an ninh	2	LT	30	1	25/01 - 27/01/2021	Nguyễn Thanh Sơn	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706									
235	ĐH10QTKD2	Quân sự chung	1	TH	30	1	04/01 - 07/01/2021	Nguyễn Đình Tú	6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5	PH							
236	ĐH10QTKD2	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	TH	60	2	07/01 - 16/01/2021	Nguyễn Đình Tú	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5	PH	
237	ĐH10QTKD3	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	08/01 - 14/01/2021	Mai Thị Thủy	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH			
238	ĐH10QTKD3	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Ngô Quang Duy					7,8,9,10	A.306									
239	ĐH10QTKD3	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Ngô Quang Duy					6,7,8,9,10	A.306									
240	ĐH10QTKD3	Kỹ năng mềm	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Lý			6,7,8	A.306											
241	ĐH10QTKD3	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Trần Thị Thùy Linh							6,7,8,9	A.306							
242	ĐH10QTKD3	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Trần Thị Thùy Linh							6,7,8,9,10	A.306							
243	ĐH10QTKD3	Tin học đại cương	2	LT	21	7	19/10 - 06/12/2020	Lê Thị Thu Hà			1,2,3	A.702											
244	ĐH10QTKD3	Tin học đại cương	2	TH	18	7	19/10 - 06/12/2020	Lê Thị Thu Hà			4.5	A.702											
245	ĐH10QTKD3	Tin học đại cương	2	TH	18	1	07/12 - 13/12/2020	Lê Thị Thu Hà			2,3,4,5	A.702											
246	ĐH10QTKD3	Kinh tế vi mô	3	LT	45	9	19/10 - 20/12/2020	Trần Đình Trình	9,10	A.306							6,7,8	A.306					
247	ĐH10QTKD3	Quản trị học	3	LT	45	9	19/10 - 20/12/2020	Bùi Thị Thu Nguyễn Thanh Vân	6,7,8	A.306							9,10	A.306					
248	ĐH10QTKD3	Đường lối quốc phòng và an ninh của ĐCSVN	3	LT	45	1	19/01 - 24/01/2021	Nguyễn Thanh Sơn			1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5	B.706			
249	ĐH10QTKD3	Công tác quốc phòng và an ninh	2	LT	30	1	25/01 - 27/01/2021	Nguyễn Thanh Sơn	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706									
250	ĐH10QTKD3	Quân sự chung	1	TH	30	1	04/01 - 07/01/2021	Trần Thanh Hanh	6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5	PH							
251	ĐH10QTKD3	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	TH	60	2	07/01 - 16/01/2021	Trần Thanh Hanh	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5	PH	
252	ĐH10QTKD4	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	1	08/01 - 14/01/2021	Mai Thị Thúy	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH			
253	ĐH10QTKD4	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Khuất Thị Nga							2,3,4,5	A.306							
254	ĐH10QTKD4	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Khuất Thị Nga							1,2,3,4,5	A.306							
255	ĐH10QTKD4	Kỹ năng mềm	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Lệ Hằng			1,2,3	A.306											
256	ĐH10QTKD4	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Tống Hưng Tâm					1,2,3,4	A.306									
257	ĐH10QTKD4	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Tống Hưng Tâm					1,2,3,4,5	A.306									

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần														Ghi chú
									Thứ Hai		Thứ Ba		Thứ Tư		Thứ Năm		Thứ Sáu		Thứ Bẩy		Chủ Nhật		
258	ĐH10QTKD4	Tin học đại cương	2	LT	21	7	19/10 - 06/12/2020	Vũ Ngọc Phan							6,7,8	A.701							
259	ĐH10QTKD4	Tin học đại cương	2	TH	18	7	19/10 - 06/12/2020	Vũ Ngọc Phan							9,10	A.701							
260	ĐH10QTKD4	Tin học đại cương	2	TH	18	1	07/12 - 13/12/2020	Vũ Ngọc Phan							6,7,8,9	A.701							
261	ĐH10QTKD4	Kinh tế vi mô	3	LT	45	9	19/10 - 20/12/2020	Trần Đình Trình	4,5	A.306							1,2,3	A.306					
262	ĐH10QTKD4	Quản trị học	3	LT	45	9	19/10 - 20/12/2020	Bùi Thị Thu Nguyễn Thanh Vân	1,2,3	A.306							4,5	A.306					
263	ĐH10QTKD4	Đường lối quốc phòng và an ninh của ĐCSVN	3	LT	45	1	19/01 - 24/01/2021	Lê Đình Nam			1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.305	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.305	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.305	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.305	1,2,3,4,5	A.206			
264	ĐH10QTKD4	Công tác quốc phòng và an ninh	2	LT	30	1	25/01 - 27/01/2021	Lê Đình Nam	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.305	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.305	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.305									
265	ĐH10QTKD4	Quân sự chung	1	TH	30	1	04/01 - 07/01/2021	Lê Đình Nam	6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5	PH							
266	ĐH10QTKD4	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	TH	60	2	07/01 - 16/01/2021	Lê Đình Nam	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5	PH	
267	ĐH10QTKD5	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Phạm Thị Yến									1,2,3	CS1					Điều chỉnh
268	ĐH10QTKD5	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Vũ Thị Thanh Thủy							7,8,9,10	A.308							Điều chỉnh
269	ĐH10QTKD5	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Vũ Thị Thanh Thủy							6,7,8,9,10	A.308							Điều chỉnh
270	ĐH10QTKD5	Kỹ năng mềm	2	LT	30	8	19/10 - 13/12/2020	Phạm Ánh Tuyết			4,5	A.306					4,5	A.502					Điều chỉnh
271	ĐH10QTKD5	Tiếng Anh 1	3	LT	45	9	19/10 - 20/12/2020	Nguyễn Thùy Linh	9,10	A.308							6,7,8	A.308					Điều chỉnh
272	ĐH10QTKD5+ ĐH8T	Tin học đại cương	2	LT	21	7	19/10 - 06/12/2020	Nguyễn Thị Hồng Hương							1,2,3	A.702							Điều chỉnh
273	ĐH10QTKD5+ ĐH8T	Tin học đại cương	2	TH	18	7	19/10 - 06/12/2020	Nguyễn Thị Hồng Hương							4.5	A.702							Điều chỉnh
274	ĐH10QTKD5+ ĐH8T	Tin học đại cương	2	TH	18	1	07/12 - 13/12/2020	Nguyễn Thị Hồng Hương							2,3,4,5	A.702							Điều chỉnh
275	ĐH10QTKD5	Kinh tế vi mô	3	LT	45	9	19/10 - 20/12/2020	Trần Đình Trình	6,7,8	A.308							9,10	A.308					Điều chỉnh
276	ĐH10QTKD5	Quản trị học	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Hà Quỳnh Mai			6,7,8,9	A.308											Điều chỉnh
277	ĐH10QTKD5	Quản trị học	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Hà Quỳnh Mai			6,7,8,9,10	A.308											Điều chỉnh
278	ĐH10QTKD6	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Phạm Thị Yến									8,9,10	CS1					Điều chỉnh
279	ĐH10QTKD6	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Lê Thị Thùy Dung							2,3,4,5	A.308							Điều chỉnh
280	ĐH10QTKD6	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Lê Thị Thùy Dung							1,2,3,4,5	A.308							Điều chỉnh
281	ĐH10QTKD6	Kỹ năng mềm	2	LT	30	8	19/10 - 13/12/2020	Nguyễn Thị Lan	9,10	A.303	9,10	A.305											Điều chỉnh
282	ĐH10QTKD6	Tiếng Anh 1	3	LT	45	9	19/10 - 20/12/2020	Hoàng Trường Giang	4.5	A.308							1,2,3	A.308					Điều chỉnh
283	ĐH10QTKD6	Tin học đại cương	2	LT	21	7	19/10 - 06/12/2020	Phạm Thị Thanh Thủy Lê Thị Thu Hà							6,7,8	A.702							Điều chỉnh
284	ĐH10QTKD6	Tin học đại cương	2	TH	18	7	19/10 - 06/12/2020	Phạm Thị Thanh Thủy Lê Thị Thu Hà							9,10	A.702							Điều chỉnh
285	ĐH10QTKD6	Tin học đại cương	2	TH	18	1	07/12 - 13/12/2020	Phạm Thị Thanh Thủy Lê Thị Thu Hà							6,7,8,9	A.702							Điều chỉnh

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần														Ghi chú
									Thứ Hai		Thứ Ba		Thứ Tư		Thứ Năm		Thứ Sáu		Thứ Bẩy		Chủ Nhật		
286	ĐH10QTKD6	Kinh tế vi mô	3	LT	45	9	19/10 - 20/12/2020	Tống Thị Thu Hòa	1,2,3	A.308							4.5	A.308					Điều chỉnh
287	ĐH10QTKD6	Quản trị học	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Phạm Văn Hoàng			2,3,4,5	A.308											Điều chỉnh
288	ĐH10QTKD6	Quản trị học	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Phạm Văn Hoàng			1,2,3,4,5	A.308											Điều chỉnh
289	ĐH10QTKD7	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Giáp Thanh Thủy					8,9,10	CS1									Điều chỉnh
290	ĐH10QTKD7	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Ngô Quang Duy			2,3,4,5	A.310											Điều chỉnh
291	ĐH10QTKD7	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Ngô Quang Duy			1,2,3,4,5	A.310											Điều chỉnh
292	ĐH10QTKD7	Kỹ năng mềm	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Đỗ Thị Bính	1,2,3	A.310													Điều chỉnh
293	ĐH10QTKD7	Tiếng Anh 1	3	LT	45	9	19/10 - 20/12/2020	Nguyễn Thị Thu Hằng	4.5	A.310					1,2,3	A.310							Điều chỉnh
294	ĐH10QTKD7	Tin học đại cương	2	LT	21	7	19/10 - 06/12/2020	Trần Đức Nam									6,7,8	A.701					Điều chỉnh
295	ĐH10QTKD7	Tin học đại cương	2	TH	18	7	19/10 - 06/12/2020	Trần Đức Nam									9,10	A.701					Điều chỉnh
296	ĐH10QTKD7	Tin học đại cương	2	TH	18	1	07/12 - 13/12/2020	Trần Đức Nam									6,7,8,9	A.701					Điều chỉnh
297	ĐH10QTKD7	Kinh tế vi mô	3	LT	45	9	19/10 - 20/12/2020	Trần Tuấn Anh					1,2,3	A.310			4.5	A.310					Điều chỉnh
298	ĐH10QTKD7	Quản trị học	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Vũ Thị Ánh Tuyết					4.5	A.310	4.5	A.310							Điều chỉnh
299	ĐH10QTKD7	Quản trị học	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Vũ Thị Ánh Tuyết					1,2,3,4,5	A.310									Điều chỉnh
300	ĐH10QTKD8	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Giáp Thanh Thủy					1,2,3	CS1									Điều chỉnh
301	ĐH10QTKD8	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Ngô Quang Duy			7,8,9,10	A.310											Điều chỉnh
302	ĐH10QTKD8	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Ngô Quang Duy			6,7,8,9,10	A.310											Điều chỉnh
303	ĐH10QTKD8	Kỹ năng mềm	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Liên	6,7,8	A.310													Điều chỉnh
304	ĐH10QTKD8	Tiếng Anh 1	3	LT	45	9	19/10 - 20/12/2020	Hoàng Trường Giang	9,10	A.310					6,7,8	A.310							Điều chỉnh
305	ĐH10QTKD8	Tin học đại cương	2	LT	21	7	19/10 - 06/12/2020	Đỗ Thị Thu Nga							1,2,3	A.708							Điều chỉnh
306	ĐH10QTKD8	Tin học đại cương	2	TH	18	7	19/10 - 06/12/2020	Đỗ Thị Thu Nga							4,5	A.708							Điều chỉnh
307	ĐH10QTKD8	Tin học đại cương	2	TH	18	1	07/12 - 13/12/2020	Đỗ Thị Thu Nga							2,3,4,5	A.708							Điều chỉnh
308	ĐH10QTKD8	Kinh tế vi mô	3	LT	45	9	19/10 - 20/12/2020	Nguyễn Vân Dung					6,7,8	A.310			9,10	A.310					Điều chỉnh
309	ĐH10QTKD8	Quản trị học	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Bùi Thị Thu Nguyễn Thanh Vân					9,10	A.310	9,10	A.310							Điều chỉnh
310	ĐH10QTKD8	Quản trị học	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Bùi Thị Thu Nguyễn Thanh Vân					6,7,8,9,10	A.310									Điều chỉnh
311	ĐH10QTKD9	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Hồng Thắm							1,2,3	CS1							Điều chỉnh
312	ĐH10QTKD9	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Luyến Hoàng Thu Nga	7,8,9,10	A.404													Điều chỉnh
313	ĐH10QTKD9	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Thị Luyến Hoàng Thu Nga	6,7,8,9,10	A.404													Điều chỉnh

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần														Ghi chú
									Thứ Hai		Thứ Ba		Thứ Tư		Thứ Năm		Thứ Sáu		Thứ Bẩy		Chủ Nhật		
314	ĐH10QTKD9	Kỹ năng mềm	2	LT	30	8	19/10 - 13/12/2020	Phạm Ánh Tuyết	4,5	A.110					4,5	A.410							Điều chỉnh
315	ĐH10QTKD9	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Phạm Thị Hồng Quế			6,7,8,9	A.404											Điều chỉnh
316	ĐH10QTKD9	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Phạm Thị Hồng Quế			6,7,8,9,10	A.404											Điều chỉnh
317	ĐH10QTKD9	Tin học đại cương	2	LT	21	7	19/10 - 06/12/2020	Phạm Thị Thanh Thủy					1,2,3	A.701									Điều chỉnh
318	ĐH10QTKD9	Tin học đại cương	2	TH	18	7	19/10 - 06/12/2020	Phạm Thị Thanh Thủy					4,5	A.701									Điều chỉnh
319	ĐH10QTKD9	Tin học đại cương	2	TH	18	1	07/12 - 13/12/2020	Phạm Thị Thanh Thủy					2,3,4,5	A.701									Điều chỉnh
320	ĐH10QTKD9	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Trần Thu Hằng					6,7,8,9	A.404									Điều chỉnh
321	ĐH10QTKD9	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Trần Thu Hằng					6,7,8,9,10	A.404									Điều chỉnh
322	ĐH10QTKD9	Quản trị học	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Phạm Thị Phượng							6,7,8,9	A.404							Điều chỉnh
323	ĐH10QTKD9	Quản trị học	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Phạm Thị Phượng							6,7,8,9,10	A.404							Điều chỉnh
324	ĐH10QTKD10	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Trần Thị Duyên							8,9,10	CS1							Điều chỉnh
325	ĐH10QTKD10	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Luyến Hoàng Thu Nga	2,3,4,5	A.404													Điều chỉnh
326	ĐH10QTKD10	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Thị Luyến Hoàng Thu Nga	1,2,3,4,5	A.404													Điều chỉnh
327	ĐH10QTKD10	Kỹ năng mềm	2	LT	30	8	19/10 - 13/12/2020	Phạm Ánh Tuyết	9,10	A.608	9,10	A.402											Điều chỉnh
328	ĐH10QTKD10	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Lê Minh Hằng			1,2,3,4	A.404											Điều chỉnh
329	ĐH10QTKD10	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Lê Minh Hằng			1,2,3,4,5	A.404											Điều chỉnh
330	ĐH10QTKD10	Tin học đại cương	2	LT	21	7	19/10 - 06/12/2020	Phạm Thị Thanh Thủy					6,7,8	A.701									Điều chỉnh
331	ĐH10QTKD10	Tin học đại cương	2	TH	18	7	19/10 - 06/12/2020	Phạm Thị Thanh Thủy					9,10	A.701									Điều chỉnh
332	ĐH10QTKD10	Tin học đại cương	2	TH	18	1	07/12 - 13/12/2020	Phạm Thị Thanh Thủy					6,7,8,9	A.701									Điều chỉnh
333	ĐH10QTKD10	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Vân Dung					2,3,4,5	A.404									Điều chỉnh
334	ĐH10QTKD10	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Vân Dung					1,2,3,4,5	A.404									Điều chỉnh
335	ĐH10QTKD10	Quản trị học	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Hà Quỳnh Mai							2,3,4,5	A.404							Điều chỉnh
336	ĐH10QTKD10	Quản trị học	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Hà Quỳnh Mai							1,2,3,4,5	A.404							Điều chỉnh
337	ĐH10M1	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Giáp Thanh Thủy							8,9,10	CS1							
338	ĐH10M1	Triết học Mác-Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Mai Thị Thu Hằng	2,3,4,5	A.604													
339	ĐH10M1	Triết học Mác-Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Mai Thị Thu Hằng	1,2,3,4,5	A.604													
340	ĐH10M1	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đỗ Mai Quyên					6,7,8,9	A.503									
341	ĐH10M1	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Đỗ Mai Quyên					6,7,8,9,10	A.503									

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần														Ghi chú
									Thứ Hai		Thứ Ba		Thứ Tư		Thứ Năm		Thứ Sáu		Thứ Bẩy		Chủ Nhật		
342	ĐH10M1	Toán cao cấp 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Trương Thị Hường			4,5	A.1002	4,5	A.308									
343	ĐH10M1	Toán cao cấp 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Trương Thị Hường			1,2,3,4,5	A.1002											
344	ĐH10M1	Nhập môn công tác kỹ sư	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thu Huyền							1,2,3	A.410							
345	ĐH10M1	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Bùi Thị Thu Hường			1,2,3	A.1002											
346	ĐH10M1	Hóa học đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Bùi Thị Nha Trang					1,2,3	A.308									
347	ĐH10M1	Vật lý đại cương	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đặng Trần Chiến									2,3,4,5	A.1001					
348	ĐH10M1	Vật lý đại cương	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Đặng Trần Chiến									1,2,3,4,5	A.1001					
349	ĐH10M2	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	2	15/12 - 24/12/2021	Vũ Thị Nhàn							1,2,3	CS1							
350	ĐH10M2	Triết học Mác-Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Mai Thị Thu Hằng	7,8,9,10	A.1002													
351	ĐH10M2	Triết học Mác-Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Mai Thị Thu Hằng	6,7,8,9,10	A.1002													
352	ĐH10M2	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Hoàng Thị Tuyết Nhung									2,3,4,5	A.404					
353	ĐH10M2	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Hoàng Thị Tuyết Nhung									1,2,3,4,5	A.404					
354	ĐH10M2	Toán cao cấp 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đặng Thị Ngoan			9,10	A.502	9,10	A.308									
355	ĐH10M2	Toán cao cấp 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Đặng Thị Ngoan			6,7,8,9,10	A.502											
356	ĐH10M2	Nhập môn công tác kỹ sư	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Lê Thanh Huyền							6,7,8	A.410							
357	ĐH10M2	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Văn Tám			6,7,8	A.502											
358	ĐH10M2	Hóa học đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Vũ Thị Thu Hà					6,7,8	A.308									
359	ĐH10M2	Vật lý đại cương	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Sỹ Hải									6,7,8,9	A.1001					
360	ĐH10M2	Vật lý đại cương	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Nguyễn Sỹ Hải									6,7,8,9,10	A.1001					
361	ĐH10QM1	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Phạm Kiên Cường					1,2,3	CS1									
362	ĐH10QM1	Triết học Mác-Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Lê Thị Thùy Dung									7,8,9,10	A.106					
363	ĐH10QM1	Triết học Mác-Lênin	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Lê Thị Thùy Dung									6,7,8,9,10	A.106					
364	ĐH10QM1	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Tống Hưng Tâm					6,7,8,9	A.106									
365	ĐH10QM1	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Tống Hưng Tâm					6,7,8,9,10	A.106									
366	ĐH10QM1	Toán cao cấp 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Văn Minh	9,10	A.210	9,10	A.106											
367	ĐH10QM1	Toán cao cấp 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Văn Minh			6,7,8,9,10	A.106											
368	ĐH10QM1	Sinh thái học	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Mai Hương Lam							6,7,8	A.106							
369	ĐH10QM1	Hóa học đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Lê Thị Thúy Hằng	6,7,8	A.210													

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần														Ghi chú
									Thứ Hai		Thứ Ba		Thứ Tư		Thứ Năm		Thứ Sáu		Thứ Bẩy		Chủ Nhật		
370	ĐH10QM1	Kỹ năng trong Quản lý Tài nguyên và môi trường	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Hoàng Thị Huê			6,7,8	A.106											
371	ĐH10QM2	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Hồng Thắm			8,9,10	CS1											
372	ĐH10QM2	Triết học Mác-Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Vũ Thị Thanh Thủy									2,3,4,5	A.208					
373	ĐH10QM2	Triết học Mác-Lênin	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Vũ Thị Thanh Thủy									1,2,3,4,5	A.208					
374	ĐH10QM2	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Cao Mai Hạnh					2,3,4,5	A.106									
375	ĐH10QM2	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Cao Mai Hạnh					1,2,3,4,5	A.106									
376	ĐH10QM2	Toán cao cấp 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đoàn Thị Thanh Huyền	4,5	A.210	4,5	A.106											
377	ĐH10QM2	Toán cao cấp 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Đoàn Thị Thanh Huyền	1,2,3,4,5	A.210													
378	ĐH10QM2	Sinh thái học	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Mai Hương Lam							1,2,3	A.106							
379	ĐH10QM2	Hóa học đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Lê Ngọc Anh	1,2,3	A.210													
380	ĐH10QM2	Kỹ năng trong Quản lý Tài nguyên và môi trường	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Phạm Hồng Tính			1,2,3	A.106											
381	ĐH10QM3	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Hồng Thắm			1,2,3	CS1											
382	ĐH10QM3	Triết học Mác-Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Vũ Thị Thanh Thủy									7,8,9,10	A.108					
383	ĐH10QM3	Triết học Mác-Lênin	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Vũ Thị Thanh Thủy									6,7,8,9,10	A.108					
384	ĐH10QM3	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Ngô Thị Hà					1,2,3,4	A.105									
385	ĐH10QM3	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Ngô Thị Hà					1,2,3,4,5	A.105									
386	ĐH10QM3	Toán cao cấp 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Phùng Thị Kim Yến	9,10	A.508	9,10	A.510											
387	ĐH10QM3	Toán cao cấp 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Phùng Thị Kim Yến			6,7,8,9,10	A.510											
388	ĐH10QM3	Sinh thái học	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Bích Ngọc Bùi Thị Nương							6,7,8	A.604							
389	ĐH10QM3	Hóa học đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	6,7,8	A.508													
390	ĐH10QM3	Kỹ năng trong Quản lý Tài nguyên và môi trường	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Hoàng Ngọc Khắc			6,7,8	A.510											
391	ĐH10BĐS1	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Trần Thị Thu Hà							8,9,10	CS1							
392	ĐH10BĐS1	Triết học Mác-Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Na Lê Thanh Thuỷ			2,3,4,5	A.1001											
393	ĐH10BĐS1	Triết học Mác-Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Thị Na Lê Thanh Thuỷ			1,2,3,4,5	A.1001											
394	ĐH10BĐS1	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Phạm Ngọc Thúy	1,2,3	A.303													
395	ĐH10BĐS1	Xã hội học đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Đào Đình Đức									1,2,3	A.1002					
396	ĐH10BĐS1	Tiếng Anh 1	3	LT	45	12	19/10 - 10/01/2021	Lê Minh Hằng					4,5	A.1001			4,5	A.1002					

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần														Ghi chú
									Thứ Hai		Thứ Ba		Thứ Tư		Thứ Năm		Thứ Sáu		Thứ Bẩy		Chủ Nhật		
397	ĐH10BĐS1	Toán cao cấp	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Anh							2,3,4,5	A.604							
398	ĐH10BĐS1	Toán cao cấp	3	LT	45	1	28/10 - 03/01/2021	Nguyễn Anh							1,2,3,4,5	A.604							
399	ĐH10BĐS1	Kinh tế vi mô	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Tống Thị Thu Hòa					1,2,3	A.1001									
400	ĐH10BĐS2	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Giáp Thanh Thủy							1,2,3	CS1							
401	ĐH10BĐS2	Triết học Mác-Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Na Lê Thanh Thuỷ			7,8,9,10	A.303											
402	ĐH10BĐS2	Triết học Mác-Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Thị Na Lê Thanh Thuỷ			6,7,8,9,10	A.303											
403	ĐH10BĐS2	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Trần Nguyễn Thị Tâm Đan	6,7,8	A.303													
404	ĐH10BĐS2	Xã hội học đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Đào Đình Đức									6,7,8	A.303					
405	ĐH10BĐS2	Tiếng Anh 1	3	LT	45	12	19/10 - 10/01/2021	Trần Xuân Hào					9,10	A.303			9,10	A.303					
406	ĐH10BĐS2	Toán cao cấp	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Lê Xuân Hùng							6,7,8,9	A.1001							
407	ĐH10BĐS2	Toán cao cấp	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Lê Xuân Hùng							6,7,8,9,10	A.1001							
408	ĐH10BĐS2	Kinh tế vi mô	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Cao Thị Bích Ngọc					6,7,8	A.303									
409	ĐH10BĐS3	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Giáp Thanh Thủy									8,9,10	CS1					
410	ĐH10BĐS3	Triết học Mác-Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Mai Thị Thu Hằng			2,3,4,5	A.203											
411	ĐH10BĐS3	Triết học Mác-Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Mai Thị Thu Hằng			1,2,3,4,5	A.203											
412	ĐH10BĐS3	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Phạm Ngọc Thúy							1,2,3	A.304							
413	ĐH10BĐS3	Xã hội học đại cương	2	LT	30	8	19/10 - 13/12/2020	Đinh Thị Thanh Huyền							4,5	A.304	4,5	A.210					
414	ĐH10BĐS3	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2021	Lê Minh Hằng	2,3,4,5	C.202													
415	ĐH10BĐS3	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Lê Minh Hằng	1,2,3,4,5	C.202													
416	ĐH10BĐS3	Toán cao cấp	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đoàn Thị Thanh Huyền					2,3,4,5	A.1002									
417	ĐH10BĐS3	Toán cao cấp	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Đoàn Thị Thanh Huyền					1,2,3,4,5	A.1002									
418	ĐH10BĐS3	Kinh tế vi mô	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Vũ Quang Hải									1,2,3	A.210					
419	ĐH10QTKS1	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	2	30/10 - 04/11/2020	Phạm Thế Mạnh	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH			
420	ĐH10QTKS1	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	10	19/10 -25/10/2020 16/11 - 17/01/2021	Vũ Thị Thanh Thủy	1,2,3,4	A.108													
421	ĐH10QTKS1	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	1	18/01 - 24/01/2021	Vũ Thị Thanh Thủy	1,2,3,4,5	A.108													
422	ĐH10QTKS1	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 -25/10/2020 09/11 - 10/01/2021	Nguyễn Thị Thu Hằng			2,3,4,5	A.408											
423	ĐH10QTKS1	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	11/01 - 17/01/2021	Nguyễn Thị Thu Hằng			1,2,3,4,5	A.408											
424	ĐH10QTKS1	Toán cao cấp	3	LT	45	10	19/10 -25/10/2020 09/11 - 10/01/2021	Mai Ngọc Diệu					7,8,9,10	A.410									

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần														Ghi chú
									Thứ Hai		Thứ Ba		Thứ Tư		Thứ Năm		Thứ Sáu		Thứ Bẩy		Chủ Nhật		
425	ĐH10QTKS1	Toán cao cấp	3	LT	45	1	11/01 - 17/01/2021	Mai Ngọc Diệu					6,7,8,9,10	A.410									
426	ĐH10QTKS1	Tin học đại cương	2	LT	21	7	09/11 - 27/12/2020	Phạm Thị Thanh Thủy									1,2,3	A.701					
427	ĐH10QTKS1	Tin học đại cương	2	TH	18	7	09/11 - 27/12/2020	Phạm Thị Thanh Thủy									4.5	A.701					
428	ĐH10QTKS1	Tin học đại cương	2	TH	18	1	04/01 - 10/01/2021	Phạm Thị Thanh Thủy									2,3,4,5	A.701					
429	ĐH10QTKS1	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 -25/10/2020 09/11 - 10/01/2021	Tống Thị Thu Hòa							2,3,4,5	A.108							
430	ĐH10QTKS1	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	11/01 - 17/01/2021	Tống Thị Thu Hòa							1,2,3,4,5	A.108							
431	ĐH10QTKS1	Quân sự chung	1	TH	30	1	26/10 - 29/10/2020	Phạm Đình Tâm	6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5	PH							
432	ĐH10QTKS1	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	TH	60	2	29/10 -7/11/2020	Phạm Đình Tâm	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5	PH	
433	ĐH10QTKS2	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	1	30/10 - 04/11/2020	Mai Thị Thúy	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH			
434	ĐH10QTKS2	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	10	19/10 -25/10/2020 16/11 - 17/01/2021	Vũ Thị Thanh Thủy	7,8,9,10	A.108													
435	ĐH10QTKS2	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	1	18/01 - 24/01/2021	Vũ Thị Thanh Thủy	6,7,8,9,10	A.108													
436	ĐH10QTKS2	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 -25/10/2020 09/11 - 10/01/2021	Hoàng Trường Giang			6,7,8,9	A.108											
437	ĐH10QTKS2	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	11/01 - 17/01/2021	Hoàng Trường Giang			6,7,8,9,10	A.108											
438	ĐH10QTKS2	Toán cao cấp	3	LT	45	10	19/10 -25/10/2020 09/11 - 10/01/2021	Lê Xuân Hùng					6,7,8,9	A.1002									
439	ĐH10QTKS2	Toán cao cấp	3	LT	45	1	11/01 - 17/01/2021	Lê Xuân Hùng					6,7,8,9,10	A.1002									
440	ĐH10QTKS2	Tin học đại cương	2	LT	21	7	09/11 - 27/12/2020	Phạm Thị Thanh Thủy									6,7,8	A.702					
441	ĐH10QTKS2	Tin học đại cương	2	TH	18	7	09/11 - 27/12/2020	Phạm Thị Thanh Thủy									9,10	A.702					
442	ĐH10QTKS2	Tin học đại cương	2	TH	18	1	04/01 - 10/01/2021	Phạm Thị Thanh Thủy									6,7,8,9	A.702					
443	ĐH10QTKS2	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 -25/10/2020 09/11 - 10/01/2021	Cao Thị Bích Ngọc							6,7,8,9	A.108							
444	ĐH10QTKS2	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	11/01 - 17/01/2021	Cao Thị Bích Ngọc							6,7,8,9,10	A.108							
445	ĐH10QTKS2	Quân sự chung	1	TH	30	1	26/10 -1/11/2020	Lê Đình Nam	6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5	PH							
446	ĐH10QTKS2	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	TH	60	2	26/10 -1/11/2020	Lê Đình Nam	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5	PH	
447	ĐH10QTKS3	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	2	30/10 - 04/11/2020	Mai Thị Thúy	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH			
448	ĐH10QTKS3	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	10	19/10 -25/10/2020 16/11 - 17/01/2021	Đỗ Minh Anh	7,8,9,10	A.406													
449	ĐH10QTKS3	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	1	18/01 - 24/01/2021	Đỗ Minh Anh	6,7,8,9,10	A.406													
450	ĐH10QTKS3	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 -25/10/2020 09/11 - 10/01/2021	Phạm Thị Hồng Quế							6,7,8,9	A.401							
451	ĐH10QTKS3	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	11/01 - 17/01/2021	Phạm Thị Hồng Quế							6,7,8,9,10	A.401							
452	ĐH10QTKS3	Toán cao cấp	3	LT	45	10	19/10 -25/10/2020 09/11 - 10/01/2021	Nguyễn Thị Trang			6,7,8,9	A.503											

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần														Ghi chú
									Thứ Hai		Thứ Ba		Thứ Tư		Thứ Năm		Thứ Sáu		Thứ Bẩy		Chủ Nhật		
453	ĐH10QTKS3	Toán cao cấp	3	LT	45	1	11/01 - 17/01/2021	Nguyễn Thị Trang			6,7,8,9,10	A.503											
454	ĐH10QTKS3	Tin học đại cương	2	LT	21	7	09/11 - 27/12/2020	Lê Thị Thu Hà							1,2,3	A.710							Điều chỉnh GV
455	ĐH10QTKS3	Tin học đại cương	2	TH	18	7	09/11 - 27/12/2020	Lê Thị Thu Hà							4.5	A.710							Điều chỉnh GV
456	ĐH10QTKS3	Tin học đại cương	2	TH	18	1	04/01 - 10/01/2021	Lê Thị Thu Hà							2,3,4,5	A.710							Điều chỉnh GV
457	ĐH10QTKS3	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 -25/10/2020 09/11 - 17/01/2021	Vũ Quang Hải									6,7,8,9	A.403					
458	ĐH10QTKS3	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	18/01 - 24/01/2021	Vũ Quang Hải									6,7,8,9,10	A.403					
459	ĐH10QTKS3	Quân sự chung	1	TH	30	1	26/10 -1/11/2020	Nguyễn Thanh Sơn	6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5	PH							
460	ĐH10QTKS3	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	TH	60	2	26/10 -1/11/2020	Nguyễn Thanh Sơn	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5	PH	
461	ĐH10QTKS4	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Giáp Thanh Thủy			8,9,10	CS1											
462	ĐH10QTKS4	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Mai Ngọc Uyên							1,2,3,4	A.401							
463	ĐH10QTKS4	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Mai Ngọc Uyên							1,2,3,4,5	A.401							
464	ĐH10QTKS4	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Bùi Thị Oanh									2,3,4,5	A.108					
465	ĐH10QTKS4	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Bùi Thị Oanh									1,2,3,4,5	A.108					
466	ĐH10QTKS4	Toán cao cấp	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Huyền Thư	2,3,4,5	A.406													
467	ĐH10QTKS4	Toán cao cấp	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Thị Huyền Thư	1,2,3,4,5	A.406													
468	ĐH10QTKS4	Tin học đại cương	2	LT	21	7	19/10 - 06/12/2020	Lê Thị Thu Hà									6,7,8	A.804					
469	ĐH10QTKS4	Tin học đại cương	2	TH	18	7	19/10 - 06/12/2020	Lê Thị Thu Hà									9,10	A.804					
470	ĐH10QTKS4	Tin học đại cương	2	TH	18	1	07/12 - 13/12/2020	Lê Thị Thu Hà									6,7,8,9	A.804					
471	ĐH10QTKS4	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Vân Dung			2,3,4,5	A.504											
472	ĐH10QTKS4	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Vân Dung			1,2,3,4,5	A.504											
473	ĐH10QTKS5	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Trần Thị Duyên							1,2,3	CS1							
474	ĐH10QTKS5	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Mai Thị Thu Hằng			7,8,9, 10	A.1002											
475	ĐH10QTKS5	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Mai Thị Thu Hằng			6,7,8,9,10	A.1002											
476	ĐH10QTKS5	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Phú Cường					6,7,8,9	A.108									
477	ĐH10QTKS5	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Phú Cường					6,7,8,9,10	A.108									
478	ĐH10QTKS5	Toán cao cấp	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đàm Thanh Tuấn	6,7,8,9	A.408													
479	ĐH10QTKS5	Toán cao cấp	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Đàm Thanh Tuấn	6,7,8,9,10	A.408													
480	ĐH10QTKS5	Tin học đại cương	2	LT	21	7	19/10 - 06/12/2020	Trần Đức Nam									1,2,3	A.708					

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần														Ghi chú
									Thứ Hai		Thứ Ba		Thứ Tư		Thứ Năm		Thứ Sáu		Thứ Bẩy		Chủ Nhật		
481	ĐH10QTKS5	Tin học đại cương	2	TH	18	7	19/10 - 06/12/2020	Trần Đức Nam									4,5	A.708					
482	ĐH10QTKS5	Tin học đại cương	2	TH	18	1	07/12 - 13/12/2020	Trần Đức Nam									2,3,4,5	A.708					
483	ĐH10QTKS5	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Vũ Thị Hoàng Yến									6,7,8,9	A.502					
484	ĐH10QTKS5	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Vũ Thị Hoàng Yến									6,7,8,9,10	A.502					
485	ĐH10SH1	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Vũ Thị Thùy Dung							1,2,3	A.510							Ghép ĐH10QTDL4
486	ĐH10SH1	Toán cao cấp 1	3	LT	45	11	19/10 - 10/01/2021	Nguyễn Thị Huyền Thư									6,7,8	A.201					Ghép ĐH10QĐ2
487	ĐH10SH1	Toán cao cấp 1	3	LT	45	2	28/12 - 10/01/2021	Nguyễn Thị Huyền Thư	6,7,8	A.201	6,7,8	A.201											
488	ĐH10SH1	Hóa học đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Lê Thị Thúy Hằng	6,7,8	A.210													Ghép ĐH10QM1
489	ĐH10SH1	Nhập môn Sinh học ứng dụng	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Hoàng Ngọc Khắc									1,2,3	C.312					
490	ĐH10SH1	Sinh thái học	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Mai Hương Lam							6,7,8	A.106							Ghép ĐH10QM1
491	ĐH10ĐA1	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Hồng Thắm							8,9,10	CS1							
492	ĐH10ĐA1	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Ngô Quang Duy					2,3,4,5	A.203									
493	ĐH10ĐA1	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Ngô Quang Duy					1,2,3,4,5	A.203									
494	ĐH10ĐA1	Tiếng Anh 1	3	LT	45	9	19/10 - 20/12/2020	Nguyễn Thùy Linh	6,7,8	C.202							9,10	A.208					
495	ĐH10ĐA1	Toán cao cấp 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Anh	2,3,4,5	A.1002													
496	ĐH10ĐA1	Toán cao cấp 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Anh	1,2,3,4,5	A.1002													
497	ĐH10ĐA1	Vật lý đại cương	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Phùng Thị Hồng Vân									2,3,4,5	A.203					
498	ĐH10ĐA1	Vật lý đại cương	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Phùng Thị Hồng Vân									1,2,3,4,5	A.203					
499	ĐH10ĐA1	Hóa học đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Vũ Thị Thu Hà			6,7,8	A.402											
500	ĐH10LA1	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Trần Thị Thu Hà									8,9,10	CS1					
501	ĐH10LA1	Triết học Mác-Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Khuất Thị Nga			1, 2,3,4	C.202											
502	ĐH10LA1	Triết học Mác-Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Khuất Thị Nga			1,2,3,4,5	C.202											
503	ĐH10LA1	Logic học đại cương	2	LT	30	8	19/10 - 13/12/2020	Lê Xuân Tú	4,5	A.204			9,10	A.508									
504	ĐH10LA1	Xã hội học đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Thu Hương					1,2,3	A.204									
505	ĐH10LA1	Tâm lý học đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Đình Tuấn Lê									1,2,3	A.204					
506	ĐH10LA1	Môi trường và phát triển	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Phương Hồng	1,2,3	A.204													
507	ĐH10LA1	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đỗ Mai Quyên							1,2,3,4	A.204							
508	ĐH10LA1	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Đỗ Mai Quyên							1,2,3,4,5	A.204							

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần														Ghi chú
									Thứ Hai		Thứ Ba		Thứ Tư		Thứ Năm		Thứ Sáu		Thứ Bẩy		Chủ Nhật		
509	ĐH10LA1	Kỹ năng mềm	2	LT	30	8	19/10 - 13/12/2020	Trần Thị Thu Trang (TĐ)					4,5	A.204			4,5	A.204					
510	ĐH10LA2	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Trần Thị Thu Hà									1,2,3	CS1					
511	ĐH10LA2	Triết học Mác-Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Khuất Thị Nga			7,8,9,10	A.204											
512	ĐH10LA2	Triết học Mác-Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Khuất Thị Nga			6,7,8,9,10	A.204											
513	ĐH10LA2	Logic học đại cương	2	LT	30	8	19/10 - 13/12/2020	Lê Xuân Tú	9,10	A.204			4,5	A.405									
514	ĐH10LA2	Xã hội học đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Thu Hương					6,7,8	A.204									
515	ĐH10LA2	Tâm lý học đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Đình Tuấn Lê									6,7,8	A.204					
516	ĐH10LA2	Môi trường và phát triển	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Phương Hồng	6,7,8	A.204													
517	ĐH10LA2	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Thu Hằng							6,7,8,9	A.204							
518	ĐH10LA2	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Thị Thu Hằng							6,7,8,9,10	A.204							
519	ĐH10LA2	Kỹ năng mềm	2	LT	30	8	19/10 - 13/12/2020	Trần Thị Hồng Minh					9,10	A.204			9,10	A.204					
520	ĐH10LA3	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Hồng Thắm	1,2,3	CS1													
521	ĐH10LA3	Triết học Mác-Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Khuất Thị Nga							7,8,9,10	A.205							
522	ĐH10LA3	Triết học Mác-Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Khuất Thị Nga							6,7,8,9,10	A.205							
523	ĐH10LA3	Logic học đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Lê Xuân Tú					6,7,8	A.205									
524	ĐH10LA3	Xã hội học đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Trọng Trường Sơn	6,7,8	A.205													
525	ĐH10LA3	Tâm lý học đại cương	2	LT	30	8	19/10 - 13/12/2020	Nguyễn Đình Tuấn Lê	9,10	A.205							4,5	A.105					
526	ĐH10LA3	Môi trường và phát triển	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Phương Hồng			6,7,8	A.205											
527	ĐH10LA3	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Lê Minh Hằng									6,7,8,9	A.205					
528	ĐH10LA3	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Lê Minh Hằng									6,7,8,9,10	A.205					
529	ĐH10LA3	Kỹ năng mềm	2	LT	30	8	19/10 - 13/12/2020	Nguyễn Thị Phương Thanh			9,10	A.205	9,10	A.205									
530	ĐH10LA4	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Hồng Thắm	8,9,10	CS1													
531	ĐH10LA4	Triết học Mác-Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Ngô Quang Duy	2,3,4,5	A.205													
532	ĐH10LA4	Triết học Mác-Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Ngô Quang Duy	1,2,3,4,5	A.205													
533	ĐH10LA4	Logic học đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Nguyệt					1,2,3	A.205									
534	ĐH10LA4	Xã hội học đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Vũ Lệ Hà							1,2,3	A.205							
535	ĐH10LA4	Tâm lý học đại cương	2	LT	30	8	19/10 - 13/12/2020	Vũ Thị Mạc Dung	6,7	A.401					4,5	A.205							
536	ĐH10LA4	Môi trường và phát triển	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Phương Hồng			1,2,3	A.205											

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần														Ghi chú
									Thứ Hai		Thứ Ba		Thứ Tư		Thứ Năm		Thứ Sáu		Thứ Bẩy		Chủ Nhật		
537	ĐH10LA4	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đỗ Mai Quyên									1,2,3,4	A.205					
538	ĐH10LA4	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Đỗ Mai Quyên									1,2,3,4,5	A.205					
539	ĐH10LA4	Kỹ năng mềm	2	LT	30	8	19/10 - 13/12/2020	Trần Thị Thu Trang (KT)			4.5	A.205	4.5	A.205									
540	ĐH10MK1	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Vũ Thị Nhàn	8,9,10	CS1													
541	ĐH10MK1	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Lê Thị Thùy Dung					2,3,4,5	A.408									
542	ĐH10MK1	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Lê Thị Thùy Dung					1,2,3,4,5	A.408									
543	ĐH10MK1	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Hoàng Thị Tuyết Nhung							2,3,4,5	A.408							
544	ĐH10MK1	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Hoàng Thị Tuyết Nhung							1,2,3,4,5	A.408							
545	ĐH10MK1	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Cao Thị Bích Ngọc									2,3,4,5	A.408					
546	ĐH10MK1	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Cao Thị Bích Ngọc									1,2,3,4,5	A.408					
547	ĐH10MK2	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Trần Thị Thu Hà			8,9,10	CS1											
548	ĐH10MK2	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Lê Thị Thùy Dung					7,8,9,10	A.408									
549	ĐH10MK2	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Lê Thị Thùy Dung					6,7,8,9,10	A.408									
550	ĐH10MK2	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đặng Đức Chính - Trần Vũ Anh							6,7,8,9	A.408							
551	ĐH10MK2	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Đặng Đức Chính - Trần Vũ Anh							6,7,8,9,10	A.408							
552	ĐH10MK2	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Tống Thị Thu Hòa									6,7,8,9	A.408					
553	ĐH10MK2	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Tống Thị Thu Hòa									6,7,8,9,10	A.408					
554	ĐH10MK3	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Phạm Thị Yến							8,9,10	CS1							
555	ĐH10MK3	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Mai Ngọc Uyên					6,7,8,9	A,1001									
556	ĐH10MK3	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Mai Ngọc Uyên					6,7,8,9,10	A,1001									
557	ĐH10MK3	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Phạm Thị Hồng Quế	6,7,8,9	A.410													
558	ĐH10MK3	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Phạm Thị Hồng Quế	6,7,8,9,10	A.410													
559	ĐH10MK3	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Trần Tuấn Anh									6,7,8,9	A.410					
560	ĐH10MK3	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Trần Tuấn Anh									6,7,8,9,10	A.410					
561	ĐH10MK4	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Trần Thị Thu Hà							1,2,3	CS1							
562	ĐH10MK4	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đỗ Minh Anh			1, 2,3,4,	A.410											
563	ĐH10MK4	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Đỗ Minh Anh			1,2,3,4,5	A.410											
564	ĐH10MK4	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Lưu Thị Bích Phượng	2,3,4,5	A.410													

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần														Ghi chú
									Thứ Hai		Thứ Ba		Thứ Tư		Thứ Năm		Thứ Sáu		Thứ Bẩy		Chủ Nhật		
565	ĐH10MK4	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Lưu Thị Bích Phượng	1,2,3,4,5	A.410													
566	ĐH10MK4	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Lê Thị Bích Lan									2,3,4,5	A.410					
567	ĐH10MK4	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Lê Thị Bích Lan									1,2,3,4,5	A.410					
568	ĐH10MK5	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Giáp Thanh Thủy									1,2,3	CS1					
569	ĐH10MK5	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Vũ Thiị Thanh Thủy							1,2,3,4	A.501							
570	ĐH10MK5	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Vũ Thiị Thanh Thủy							1,2,3,4,5	A.501							
571	ĐH10MK5	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Ngô Thị Hà			1,2,3,4	A.501											
572	ĐH10MK5	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Ngô Thị Hà			1,2,3,4,5	A.501											
573	ĐH10MK5	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Lê Thị Bích Lan	2,3,4,5	A.501													
574	ĐH10MK5	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Lê Thị Bích Lan	1,2,3,4,5	A.501													
575	ĐH10MK6	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Văn Tiến	1,2,3	CS1													
576	ĐH10MK6	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Luyến Hoàng Thu Nga							7,8,9,10	A.501							
577	ĐH10MK6	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Thị Luyến Hoàng Thu Nga							6,7,8,9,10	A.501							
578	ĐH10MK6	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Ngô Thị Hà									6,7,8,9	A.501					
579	ĐH10MK6	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Ngô Thị Hà									6,7,8,9,10	A.501					
580	ĐH10MK6	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Trần Đình Trình			6,7,8,9	A.501											
581	ĐH10MK6	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Trần Đình Trình			6,7,8,9,10	A.501											
582	ĐH10MK7	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Sỹ Nghị	8,9,10	CS1													
583	ĐH10MK7	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Luyến Hoàng Thu Nga							2,3,4,5	A.502							
584	ĐH10MK7	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Thị Luyến Hoàng Thu Nga							1,2,3,4,5	A.502							
585	ĐH10MK7	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Mai Thị Hiền					2,3,4,5	A.502									
586	ĐH10MK7	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Mai Thị Hiền					1,2,3,4,5	A.502									
587	ĐH10MK7	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đỗ Thị Dinh			2,3,4,5	A.502											
588	ĐH10MK7	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Đỗ Thị Dinh			1,2,3,4,5	A.502											
589	ĐH10MK8	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Trần Thị Thu Hà	1,2,3	CS1													
590	ĐH10MK8	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Mai Thị Thu Hằng					6,7,8,9	A.502									
591	ĐH10MK8	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Mai Thị Thu Hằng					6,7,8,9,10	A.502									
592	ĐH10MK8	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đỗ Mai Quyên							6,7,8,9	A.502							

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần														Ghi chú
									Thứ Hai		Thứ Ba		Thứ Tư		Thứ Năm		Thứ Sáu		Thứ Bẩy		Chủ Nhật		
593	ĐH10MK8	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Đỗ Mai Quyên							6,7,8,9,10	A.502							
594	ĐH10MK8	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Vũ Quang Hải	6,7,8,9	A.502													
595	ĐH10MK8	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Vũ Quang Hải	6,7,8,9,10	A.502													
596	ĐH10C1	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	24	10	26,27,28/11/2020	Nguyễn Văn Trường							7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH			Điều chỉnh
597	ĐH10C1	Đường lối quốc phòng và an ninh của ĐCSVN	3	LT	45	1	09/11 - 13/11/2020	Đặng Quang Thụ	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.203 A.402	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.210	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.210	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.210	1,2,3,4,5	A.402					Điều chỉnh
598	ĐH10C1	Công tác quốc phòng và an ninh	2	LT	30	1	16/11 - 18/11/2020	Đặng Quang Thụ	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.203 A.402	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.210	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.210									Điều chỉnh
599	ĐH10C1	Quân sự chung	1	TH	30	1	23/11-26/11/2020	Nguyễn Đình Tú	6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5	PH							Điều chỉnh
600	ĐH10C1	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	TH	60	2	30/11 - 05/12/2020	Nguyễn Đình Tú	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH			Điều chỉnh
601	ĐH10C1	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 08/11/2020 07/12 - 24/01/2021	Nguyễn Thùy Linh							2,3,4,5	A.402							Điều chỉnh
602	ĐH10C1	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Nguyễn Thùy Linh							1,2,3,4,5	A.402							Điều chỉnh
603	ĐH10C1	Đại số	3	LT	45	10	19/10 - 08/11/2020 07/12 - 24/01/2021	Đàm Thanh Tuấn									2,3,4,5	A.402					Điều chỉnh
604	ĐH10C1	Đại số	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Đàm Thanh Tuấn									1,2,3,4,5	A.402					Điều chỉnh
605	ĐH10C1	Giải tích 1	2	LT	30	8	07/12 - 31/01/2021	Lê Thị Hương			2,3,4,5	C.409											Điều chỉnh
606	ĐH10C1	Vật lý đại cương	3	LT	45	3	19/10 - 08/11/2020	Phùng Thị Hồng Vân	2,3,4,5	A.203													Điều chỉnh
607	ĐH10C1	Vật lý đại cương	3	LT	45	7	14/12 - 31/01/2021	Phùng Thị Hồng Vân	1,2,3,4,5	A.203													Điều chỉnh
608	ĐH10C1	Tin học cơ sở	2	LT	22	8	19/10 - 08/11/2020 07/12 - 10/01/2021	Lê Lan Anh			6,7,8	A.710											Điều chỉnh
609	ĐH10C1	Tin học cơ sở	2	TH	16	8	19/10 - 08/11/2020 07/12 - 10/01/2021	Lê Lan Anh			9,10	A.903											Điều chỉnh
610	ĐH10C2	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	24	10	26/11 -28/11/2020	Nguyễn Văn Căn							7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH			Điều chỉnh
611	ĐH10C2	Đường lối quốc phòng và an ninh của ĐCSVN	3	LT	45	1	09/11 - 13/11/2020	Phạm Đình Tâm	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.208	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.208	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.208	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.208	6,7,8,9,10	A.210					Điều chỉnh
612	ĐH10C2	Công tác quốc phòng và an ninh	2	LT	30	1	16/11 - 18/11/2020	Phạm Đình Tâm	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.208	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.208	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.208									Điều chỉnh
613	ĐH10C2	Quân sự chung	1	TH	30	1	23/11-26/11/2020	Vũ Quang Hay	6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5	PH							Điều chỉnh
614	ĐH10C2	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	TH	60	2	30/11 - 05/12/2020	Vũ Quang Hay	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH			Điều chỉnh
615	ĐH10C2	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 08/11/2020 07/12 - 24/01/2021	Đỗ Minh Anh					7,8,9,10	A.402									Điều chỉnh
616	ĐH10C2	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Đỗ Minh Anh					6,7,8,9,10	A.402									Điều chỉnh
617	ĐH10C2	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 08/11/2020 07/12 - 24/01/2021	Nguyễn Phú Cường							6,7,8,9	A.402							Điều chỉnh
618	ĐH10C2	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Nguyễn Phú Cường							6,7,8,9,10	A.402							Điều chỉnh
619	ĐH10C2	Đại số	3	LT	45	3	19/10 - 08/11/2020	Nguyễn Ngọc Linh									6,7,8,9	A.304					Điều chỉnh
620	ĐH10C2	Đại số	3	LT	45	8	07/12 - 31/01/2021	Nguyễn Ngọc Linh									6,7,8,9,10	A.304					Điều chỉnh

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần													Ghi chú
									Thứ Hai		Thứ Ba		Thứ Tư		Thứ Năm		Thứ Sáu		Thứ Bẩy		Chủ Nhật	
621	ĐH10C2	Giải tích 1	2	LT	30	10	19/10 - 08/11/2020 07/12 - 24/01/2021	Nguyễn Thị Huyền Thư			6,7,8	A.604										Điều chỉnh
622	ĐH10C2	Vật lý đại cương	3	LT	45	3	19/10 - 08/11/2020	Dương Thị Hoài Thu	6,7,8,9	A.402												Điều chỉnh
623	ĐH10C2	Vật lý đại cương	3	LT	45	7	14/12 - 31/01/2021	Dương Thị Hoài Thu	6,7,8,9,10	A.402												Điều chỉnh
624	ĐH10C2	Tin học cơ sở	2	LT	22	11	19/10 - 08/11/2020 07/12 - 31/01/2021	Lê Lan Anh			2,3	A.710										Điều chỉnh
625	ĐH10C2	Tin học cơ sở	2	TH	16	8	19/10 - 08/11/2020 07/12 - 10/01/2021	Lê Lan Anh			4,5	A.710										Điều chỉnh
626	ĐH10C3	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	24	1	24/12- 26/12/2020	Nguyễn Văn Trường							7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH		Điều chỉnh
627	ĐH10C3	Đường lối quốc phòng và an ninh của ĐCSVN	3	LT	45	1	07/12 - 11/12/2020	Đặng Quang Thụ	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.301	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.604 A.301	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.301	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.301 A.304	1,2,3,4,5	A.301				Điều chỉnh
628	ĐH10C3	Công tác quốc phòng và an ninh	2	LT	30	1	14/12 - 16/12/2020	Đặng Quang Thụ	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.301	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.604 A.301	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.301								Điều chỉnh
629	ĐH10C3	Quân sự chung	1	TH	30	1	21/12 - 24/12/2020	Vũ Quang Hay	6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5	PH						Điều chỉnh
630	ĐH10C3	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	TH	60	2	28/12 - 03/01/2021	Vũ Quang Hay	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH			1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	Điều chỉnh
631	ĐH10C3	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 06/12/2020 04/01 - 24/01/2021	Khuất Thị Nga									7,8,9,10	A.401				Điều chỉnh
632	ĐH10C3	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Khuất Thị Nga									6,7,8,9,10	A.401				Điều chỉnh
633	ĐH10C3	Tiếng Anh 1	3	LT	45	5	19/10 - 22/11/2020	Lưu Thị Bích Phượng	6,7,8,9	A.503												Điều chỉnh
634	ĐH10C3	Tiếng Anh 1	3	LT	45	5	23/11 - 06/12/2020 11/01 - 31/01/2021	Lưu Thị Bích Phượng	6,7,8,9,10	A.503												Điều chỉnh
635	ĐH10C3	Đại số	3	LT	45	10	19/10 - 06/12/2020 04/01 - 24/01/2021	Nguyễn Thị Huyền			6,7,8,9	A.401										Điều chỉnh
636	ĐH10C3	Đại số	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Nguyễn Thị Huyền			6,7,8,9,10	A.401										Điều chỉnh
637	ĐH10C3	Giải tích 1	2	LT	30	8	19/10 - 06/12/2020 04/01 - 10/01/2021	Nguyễn Thị Trang							2,3,4,5	A.503						Điều chỉnh
638	ĐH10C3	Vật lý đại cương	3	LT	45	10	19/10 - 06/12/2020 04/01 - 24/01/2021	Phạm Thị Trang					6,7,8,9	A.401								Điều chỉnh
639	ĐH10C3	Vật lý đại cương	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Phạm Thị Trang					6,7,8,9,10	A.401								Điều chỉnh
640	ĐH10C3	Tin học cơ sở	2	LT	22	8	19/10 - 06/12/2020 04/01 - 10/01/2021	Trịnh Thị Lý			1,2,3	A.708										Điều chỉnh
641	ĐH10C3	Tin học cơ sở	2	TH	16	8	19/10 - 06/12/2020 04/01 - 10/01/2021	Trịnh Thị Lý			4,5	A.708										Điều chỉnh
642	ĐH10C4	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	24	1	24/12- 26/12/2020	Nguyễn Văn Căn							7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH		Điều chỉnh
643	ĐH10C4	Đường lối quốc phòng và an ninh của ĐCSVN	3	LT	45	1	07/12 - 11/12/2020	Lê Đức Thiện	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.403	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.807 A.403	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.403	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.403	1,2,3,4,5	A.301				Điều chỉnh
644	ĐH10C4	Công tác quốc phòng và an ninh	2	LT	30	1	14/12 - 16/12/2020	Lê Đức Thiện	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.403	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.807 A.403	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.403								Điều chỉnh
645	ĐH10C4	Quân sự chung	1	TH	30	1	21/12 - 24/12/2020	Trần Bắc Bộ	6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5	PH						Điều chỉnh
646	ĐH10C4	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	TH	60	2	28/12 - 3/01/2021	Trần Bắc Bộ	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH			1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	Điều chỉnh
647	ĐH10C4	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 06/12/2020 04/01 - 24/01/2021	Lê Thị Thùy Dung									2,3,4,5	A.401				Điều chỉnh
648	ĐH10C4	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Lê Thị Thùy Dung									1,2,3,4,5	A.401				Điều chỉnh

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần														Ghi chú
									Thứ Hai		Thứ Ba		Thứ Tư		Thứ Năm		Thứ Sáu		Thứ Bẩy		Chủ Nhật		
649	ĐH10C4	Tiếng Anh 1	3	LT	45	5	19/10 - 22/11/2020	Nguyễn Thị Hoa	2,3,4,5	A.401													Điều chỉnh
650	ĐH10C4	Tiếng Anh 1	3	LT	45	5	23/11 - 06/12/2020 11/01 - 31/01/2021	Nguyễn Thị Hoa	1,2,3,4,5	A.401													Điều chỉnh
651	ĐH10C4	Đại số	3	LT	45	10	19/10 - 06/12/2020 04/01 - 24/01/2021	Nguyễn Tài Hoa			2,3,4,5	A,604											Điều chỉnh
652	ĐH10C4	Đại số	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Nguyễn Tài Hoa			1,2,3,4,5	A,604											Điều chỉnh
653	ĐH10C4	Giải tích 1	2	LT	30	8	19/10 - 06/12/2020 08/01 - 10/01/2021	Trương Thị Hường	9,10	A.505							6,7	C.202					Điều chỉnh
654	ĐH10C4	Vật lý đại cương	3	LT	45	10	19/10 - 06/12/2020 04/01 - 24/01/2021	Nguyễn Sỹ Hải					2,3,4,5	A.401									Điều chỉnh
655	ĐH10C4	Vật lý đại cương	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Nguyễn Sỹ Hải					1,2,3,4,5	A.401									Điều chỉnh
656	ĐH10C4	Tin học cơ sở	2	LT	22	8	19/10 - 06/12/2020 04/01 - 10/01/2021	Trịnh Thị Lý			6,7,8	A.702											Điều chỉnh
657	ĐH10C4	Tin học cơ sở	2	TH	16	8	19/10 - 06/12/2020 04/01 - 10/01/2021	Trịnh Thị Lý			9,10	A.702											Điều chỉnh
658	ĐH10C5	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	24	1	10/12 - 12/12/2020	Nguyễn Văn Trường							7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH			Điều chỉnh
659	ĐH10C5	Đường lối quốc phòng và an ninh của ĐCSVN	3	LT	45	1	22/12 - 26/12/2020	Đặng Quang Thụ			1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.301 A.604	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.301	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.301 A.304	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.301	1,2,3,4,5	A.201			Điều chỉnh
660	ĐH10C5	Công tác quốc phòng và an ninh	2	LT	30	1	28/12 - 30/12/2020	Đặng Quang Thụ	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.301	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.604 A.301	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.301									Điều chỉnh
661	ĐH10C5	Quân sự chung	1	TH	30	1	07/12 - 10/12/2020	Trần Thanh Hanh	6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5	PH							Điều chỉnh
662	ĐH10C5	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	TH	60	2	14/12 - 19/12/2020	Trần Thanh Hanh	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH			Điều chỉnh
663	ĐH10C5	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 06/12/2020 04/01 - 24/01/2021	Nguyễn Thị Phương Thu	2,3,4,5	A.403													Điều chỉnh
664	ĐH10C5	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Nguyễn Thị Phương Thu	1,2,3,4,5	A.403													Điều chỉnh
665	ĐH10C5	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 06/12/2020 04/01 - 24/01/2021	Trần Xuân Hào									2,3,4,5	A.604					Điều chỉnh
666	ĐH10C5	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Trần Xuân Hào									1,2,3,4,5	A.604					Điều chỉnh
667	ĐH10C5+LĐH9 TĐ1B	Đại số	3	LT	45	10	19/10 - 06/12/2020 04/01 - 24/01/2021	Đặng Thị Ngoan					2,3,4,5	A.403									Điều chỉnh
668	ĐH10C5+LĐH9 TĐ1B	Đại số	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Đặng Thị Ngoan					1,2,3,4,5	A.403									Điều chỉnh
669	ĐH10C5	Giải tích 1	2	LT	30	8	09/11 - 06/12/2020 04/01 - 31/01/2021	Nguyễn Văn Minh	7,8	A.807					9,10	A.510							Điều chỉnh
670	ĐH10C5	Vật lý đại cương	3	LT	45	10	19/10 - 06/12/2020 04/01 - 24/01/2021	Đặng Trần Chiến							2,3,4,5	A.403							Điều chỉnh
671	ĐH10C5	Vật lý đại cương	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Đặng Trần Chiến							1,2,3,4,5	A.403							Điều chỉnh
672	ĐH10C5	Tin học cơ sở	2	LT	22	8	19/10 - 06/12/2020 04/01 - 10/01/2021	Phan Huy Anh Lê Phú Hưng									6,7,8	A.803					Điều chỉnh
673	ĐH10C5	Tin học cơ sở	2	TH	16	8	19/10 - 06/12/2020 04/01 - 10/01/2021	Phan Huy Anh Lê Phú Hưng									9,10	A.803					Điều chỉnh
674	ĐH10C6	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	24	10	10,11,12/12/2020	Nguyễn Văn Căn							7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH			Điều chỉnh
675	ĐH10C6	Đường lối quốc phòng và an ninh của ĐCSVN	3	LT	45	1	07/12 - 10/12/2020	Lê Đức Thiện			1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.807 A.403	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.403	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.503	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.401	1,2,3,4,5	A.202			Điều chỉnh

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần														Ghi chú
									Thứ Hai		Thứ Ba		Thứ Tư		Thứ Năm		Thứ Sáu		Thứ Bẩy		Chủ Nhật		
676	ĐH10C6	Công tác quốc phòng và an ninh	2	LT	30	1	14/12 - 19/12/2020	Lê Đức Thiện	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.301	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.807 A.403	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.403									Điều chỉnh
677	ĐH10C6	Quân sự chung	1	TH	30	1	07/12 - 10/12/2020	Vũ Quang Hay	6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5	PH							Điều chỉnh
678	ĐH10C6	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	TH	60	2	14/12 - 19/12/2020	Vũ Quang Hay	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH			Điều chỉnh
679	ĐH10C6	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 06/12/2020 04/01 - 24/01/2021	Nguyễn Thị Phương Thu	7,8,9,10	A.403													Điều chỉnh
680	ĐH10C6	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Nguyễn Thị Phương Thu	6,7,8,9,10	A.403													Điều chỉnh
681	ĐH10C6	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 06/12/2020 04/01 - 24/01/2021	Nguyễn Thị Hoa			6,7,8,9	A.403											Điều chỉnh
682	ĐH10C6	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Nguyễn Thị Hoa			6,7,8,9,10	A.403											Điều chỉnh
683	ĐH10C6	Đại số	3	LT	45	10	19/10 - 06/12/2020 04/01 - 24/01/2021	Nguyễn Thị Trang					6,7,8,9	A.403									Điều chỉnh
684	ĐH10C6	Đại số	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Nguyễn Thị Trang					6,7,8,9,10	A.403									Điều chỉnh
685	ĐH10C6	Giải tích 1	2	LT	30	8	19/10 - 06/12/2020 04/01 - 10/01/2021	Đàm Thanh Tuấn	4,5	A.303			4,5	C.202									Điều chỉnh
686	ĐH10C6	Vật lý đại cương	3	LT	45	10	19/10 - 06/12/2020 04/01 - 24/01/2021	Dương Thị Hoài Thu							6,7,8,9	A.503							Điều chỉnh
687	ĐH10C6	Vật lý đại cương	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Dương Thị Hoài Thu							6,7,8,9,10	A.503							Điều chỉnh
688	ĐH10C6	Tin học cơ sở	2	LT	22	8	19/10 - 06/12/2020 04/01 - 10/01/2021	Đặng Thị Khánh Linh									1,2,3	A.710					Điều chỉnh
689	ĐH10C6	Tin học cơ sở	2	TH	16	8	19/10 - 06/12/2020 04/01 - 10/01/2021	Đặng Thị Khánh Linh									4,5	A.710					Điều chỉnh
690	ĐH10C7	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	24	10	21/01 - 23/01/2021	Nguyễn Văn Trường							7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH			Điều chỉnh
691	ĐH10C7	Đường lối quốc phòng và an ninh của ĐCSVN	3	LT	45	1	04/01 - 8/01/2021	Đặng Quang Thụ	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.306	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.406	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.306	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.306	1,2,3,4,5	A.306					Điều chỉnh
692	ĐH10C7	Công tác quốc phòng và an ninh	2	LT	30	1	11/01 - 13/01/2021	Đặng Quang Thụ	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.306	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.406	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.306									Điều chỉnh
693	ĐH10C7	Quân sự chung	1	TH	30	1	18/01 - 21/01/2021	Vũ Quang Hay	6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5	PH							Điều chỉnh
694	ĐH10C7	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	TH	60	2	25/01 - 30/01/2021	Vũ Quang Hay	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH			Điều chỉnh
695	ĐH10C7	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	5	19/10 - 22/11/2020	Đỗ Minh Anh									7,8,9,10	A.405					Điều chỉnh
696	ĐH10C7	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	5	23/11 - 27/12/2020	Đỗ Minh Anh									6,7,8,9,10	A.405					Điều chỉnh
697	ĐH10C7	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đinh Thị Hoài Ly	6,7,8,9	A.405													Điều chỉnh
698	ĐH10C7	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Đinh Thị Hoài Ly	6,7,8,9,10	A.405													Điều chỉnh
699	ĐH10C7	Đại số	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đặng Thị Ngoan							6,7,8,9	A.405							Điều chỉnh
700	ĐH10C7	Đại số	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Đặng Thị Ngoan							6,7,8,9,10	A.405							Điều chỉnh
701	ĐH10C7	Giải tích 1	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Đoàn Thị Thanh Huyền					6,7,8	A.405									Điều chỉnh
702	ĐH10C7	Vật lý đại cương	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Dương Thị Hoài Thu			6,7,8,9	A.410											Điều chỉnh

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần														Ghi chú
									Thứ Hai		Thứ Ba		Thứ Tư		Thứ Năm		Thứ Sáu		Thứ Bẩy		Chủ Nhật		
703	ĐH10C7	Vật lý đại cương	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Dương Thị Hoài Thu			6,7,8,9,10	A.410											Điều chỉnh
704	ĐH10C7	Tin học cơ sở	2	LT	22	8	19/10 - 13/12/2020	Trịnh Thị Lý							1,2,3	A.801							Điều chỉnh
705	ĐH10C7	Tin học cơ sở	2	TH	16	8	19/10 - 13/12/2020	Trịnh Thị Lý							4.5	A.801							Điều chỉnh
706	ĐH10C8	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	24	10	21/01 - 23/01/2021	Nguyễn Văn Căn							7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH			Điều chỉnh
707	ĐH10C8	Đường lối quốc phòng và an ninh của ĐCSVN	3	LT	45	1	04/01 - 8/01/2021	Nguyễn Thanh Sơn	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.405	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.204 A.304	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.503 A.406	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.405	1,2,3,4,5	A.304					Điều chỉnh
708	ĐH10C8	Công tác quốc phòng và an ninh	2	LT	30	1	11/01 - 13/01/2021	Nguyễn Thanh Sơn	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.405	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.204 A.304	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.503 A.406									Điều chỉnh
709	ĐH10C8	Quân sự chung	1	TH	30	1	18/01 - 21/01/2021	Trần Bắc Bộ	6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5	PH							Điều chỉnh
710	ĐH10C8	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	TH	60	2	25/01 - 30/01/2021	Trần Bắc Bộ	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH			Điều chỉnh
711	ĐH10C8	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	5	19/10 - 22/11/2020	Đỗ Minh Anh									2,3,4,5	A.304					Điều chỉnh
712	ĐH10C8	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	5	23/11 - 27/12/2020	Đỗ Minh Anh									1,2,3,4,5	A.304					Điều chỉnh
713	ĐH10C8	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Phú Cường	1,2,3,4	A.405													Điều chỉnh
714	ĐH10C8	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Phú Cường	1,2,3,4,5	A.405													Điều chỉnh
715	ĐH10C8	Đại số	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Lê Thị Hương							2,3,4,5	A.405							Điều chỉnh
716	ĐH10C8	Đại số	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Lê Thị Hương							1,2,3,4,5	A.405							Điều chỉnh
717	ĐH10C8	Giải tích 1	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Đàm Thanh Tuấn					1,2,3	A.405									Điều chỉnh
718	ĐH10C8	Vật lý đại cương	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Phạm Thị Trang			2,3,4,5	A.405											Điều chỉnh
719	ĐH10C8	Vật lý đại cương	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Phạm Thị Trang			1,2,3,4,5	A.405											Điều chỉnh
720	ĐH10C8	Tin học cơ sở	2	LT	22	8	19/10 - 13/12/2020	Trịnh Thị Lý							6,7,8	A.904							Điều chỉnh
721	ĐH10C8	Tin học cơ sở	2	TH	16	8	19/10 - 13/12/2020	Trịnh Thị Lý							9,10	A.904							Điều chỉnh
722	ĐH10C9	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	24	10	07/01 - 09/01/2021	Nguyễn Văn Trường							7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH			Điều chỉnh
723	ĐH10C9	Đường lối quốc phòng và an ninh của ĐCSVN	3	LT	45	1	19/01 - 24/01/2021	Đặng Quang Thụ			1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.406	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.306	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.306	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.306	1,2,3,4,5	A.201			Điều chỉnh
724	ĐH10C9	Công tác quốc phòng và an ninh	2	LT	30	1	25/01 - 27/01/2021	Đặng Quang Thụ	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.306	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.406	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.306									Điều chỉnh
725	ĐH10C9	Quân sự chung	1	TH	30	1	04/01 - 07/01/2021	Vũ Quang Hay	6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5	PH							Điều chỉnh
726	ĐH10C9	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	TH	60	2	11/01 - 16/01/2021	Vũ Quang Hay	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH			Điều chỉnh
727	ĐH10C9	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Khuất Thị Nga					2,3,4,5	A.503									Điều chỉnh
728	ĐH10C9	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Khuất Thị Nga					1,2,3,4,5	A.503									Điều chỉnh
729	ĐH10C9	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Tống Hưng Tâm							1,2,3,4	A.406							Điều chỉnh

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần														Ghi chú
									Thứ Hai		Thứ Ba		Thứ Tư		Thứ Năm		Thứ Sáu		Thứ Bẩy		Chủ Nhật		
730	ĐH10C9	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Tống Hưng Tâm							1,2,3,4,5	A.406							Điều chỉnh
731	ĐH10C9	Đại số	3	LT	45	5	19/10 - 22/11/2020	Lê Thị Hương									2,3,4,5	A.406					Điều chỉnh
732	ĐH10C9	Đại số	3	LT	45	5	23/11 - 27/12/2020	Lê Thị Hương									1,2,3,4,5	A.406					Điều chỉnh
733	ĐH10C9	Giải tích 1	2	LT	30	8	19/10 - 13/12/2020	Nguyễn Thị Trang							9,10	A.410	9,10	A.105					Điều chỉnh
734	ĐH10C9	Vật lý đại cương	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Sỹ Hải			2,3,4,5	A.406											Điều chỉnh
735	ĐH10C9	Vật lý đại cương	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Sỹ Hải			1,2,3,4,5	A.406											Điều chỉnh
736	ĐH10C9	Tin học cơ sở	2	LT	22	8	19/10 - 13/12/2020	Nguyễn Ngọc Khải			6,7,8	A.910											Điều chỉnh
737	ĐH10C9	Tin học cơ sở	2	TH	16	8	19/10 - 13/12/2020	Nguyễn Ngọc Khải			9,10	A.910											Điều chỉnh
738	ĐH10C10	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	24	10	07/01 - 09/01/2021	Nguyễn Văn Căn							7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH			Điều chỉnh
739	ĐH10C10	Đường lối quốc phòng và an ninh của ĐCSVN	3	LT	45	1	19/01 - 24/01/2021	Lê Đức Thiện			1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.204 A.304	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.503 A.406	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.405	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.304 A.404	1,2,3,4,5	A.202			Điều chỉnh
740	ĐH10C10	Công tác quốc phòng và an ninh	2	LT	30	1	25/01 - 27/01/2021	Lê Đức Thiện	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.405	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.204 A.304	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.503 A.406									Điều chỉnh
741	ĐH10C10	Quân sự chung	1	TH	30	1	04/01 - 07/01/2021	Trần Bắc Bộ	6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5	PH							Điều chỉnh
742	ĐH10C10	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	TH	60	2	11/01 - 16/01/2021	Trần Bắc Bộ	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH			Điều chỉnh
743	ĐH10C10	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Khuất Thị Nga					7,8,9,10	A.406									Điều chỉnh
744	ĐH10C10	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Khuất Thị Nga					6,7,8,9,10	A.406									Điều chỉnh
745	ĐH10C10	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Tống Hưng Tâm							6,7,8,9	A.406							Điều chỉnh
746	ĐH10C10	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Tống Hưng Tâm							6,7,8,9,10	A.406							Điều chỉnh
747	ĐH10C10	Đại số	3	LT	45	5	19/10 - 22/11/2020	Lê Xuân Hùng									6,7,8,9	A.406					Điều chỉnh
748	ĐH10C10	Đại số	3	LT	45	5	23/11 - 27/12/2020	Lê Xuân Hùng									6,7,8,9,10	A.406					Điều chỉnh
749	ĐH10C10	Giải tích 1	2	LT	30	8	19/10 - 13/12/2020	Nguyễn Thị Huyền Thư					4,5	A.508	4,5	A.510							Điều chỉnh
750	ĐH10C10	Vật lý đại cương	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Phạm Thị Trang			6,7,8,9	A.406											Điều chỉnh
751	ĐH10C10	Vật lý đại cương	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Phạm Thị Trang			6,7,8,9,10	A.406											Điều chỉnh
752	ĐH10C10	Tin học cơ sở	2	LT	22	8	19/10 - 13/12/2020	Vũ Văn Huân									1,2,3	A.702					Điều chỉnh
753	ĐH10C10	Tin học cơ sở	2	TH	16	8	19/10 - 13/12/2020	Vũ Văn Huân									4.5	A.702					Điều chỉnh
754	ĐH10C11	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Trần Thị Thu Hà	8,9,10	CS1													
755	ĐH10C11	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Luyến Hoàng Thu Nga									2,3,4,5	A.503					
756	ĐH10C11	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Thị Luyến Hoàng Thu Nga									1,2,3,4,5	A.503					

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần														Ghi chú
									Thứ Hai		Thứ Ba		Thứ Tư		Thứ Năm		Thứ Sáu		Thứ Bẩy		Chủ Nhật		
757	ĐH10C11	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Hoa							2,3,4,5	A.1002							
758	ĐH10C11	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Thị Hoa							1,2,3,4,5	A.1002							
759	ĐH10C11	Đại số	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Lê Thị Hương	2,3,4,5	A.502													
760	ĐH10C11	Đại số	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Lê Thị Hương	1,2,3,4,5	A.502													
761	ĐH10C11	Giải tích 1	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Trương Thị Hường					1,2,3	A.501									
762	ĐH10C11	Vật lý đại cương	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đặng Trần Chiến			2,3,4,5	A.304											
763	ĐH10C11	Vật lý đại cương	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Đặng Trần Chiến			1,2,3,4,5	A.304											
764	ĐH10C11	Tin học cơ sở	2	LT	22	8	19/10 - 13/12/2020	Đặng Quang Tuyến					6,7,8	A.710									
765	ĐH10C11	Tin học cơ sở	2	TH	16	8	19/10 - 13/12/2020	Đặng Quang Tuyến					9,10	A.710									
766	ĐH10C12	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	24	10	12/11 - 14/11/2020	Nguyễn Văn Căn							7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH			Điều chỉnh
767	ĐH10C12	Đường lối quốc phòng và an ninh của ĐCSVN	3	LT	45	1	24/11 - 28/11/2020	Lê Đức Thiện			1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.208	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.208	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.208	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.208	1,2,3,4,5	A.201			Điều chỉnh
768	ĐH10C12	Công tác quốc phòng và an ninh	2	LT	30	1	30/11 - 02/11/2020	Lê Đức Thiện	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.208	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.208	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.208									Điều chỉnh
769	ĐH10C12	Quân sự chung	1	TH	30	1	09/11 - 12/11/2020	Vũ Quang Hay	6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5	PH							Điều chỉnh
770	ĐH10C12	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	TH	60	2	16/11 - 21/11/2020	Vũ Quang Hay	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH			Điều chỉnh
771	ĐH10C12	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	5	19/10 - 08/11/2020 07/12 - 20/12/2020	Nguyễn Thị Luyến Hoàng Thu Nga									6,7,8,9	A.503					Điều chỉnh
772	ĐH10C12	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	5	21/12 - 31/01/2021	Nguyễn Thị Luyến Hoàng Thu Nga									6,7,8,9,10	A.503					Điều chỉnh
773	ĐH10C12	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 08/11/2020 07/12 - 24/01/2021	Cao Mai Hạnh							6,7,8,9	A.403							Điều chỉnh
774	ĐH10C12	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Cao Mai Hạnh							6,7,8,9,10	A.403							Điều chỉnh
775	ĐH10C12	Đại số	3	LT	45	10	19/10 - 08/11/2020 07/12 - 24/01/2021	Lê Xuân Hùng	6,7,8,9	A.106													Điều chỉnh
776	ĐH10C12	Đại số	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Lê Xuân Hùng	6,7,8,9,10	A.106													Điều chỉnh
777	ĐH10C12	Giải tích 1	2	LT	30	10	19/10 - 08/11/2020 07/12 - 24/01/2021	Nguyễn Thị Trang			1,2,3	A.303											Điều chỉnh
778	ĐH10C12	Vật lý đại cương	3	LT	45	10	19/10 - 08/11/2020 07/12 - 24/01/2021	Phùng Thị Hồng Vân			6,7,8,9	A.405											Điều chỉnh
779	ĐH10C12	Vật lý đại cương	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Phùng Thị Hồng Vân			6,7,8,9,10	A.405											Điều chỉnh
780	ĐH10C12	Tin học cơ sở	2	LT	22	8	19/10 - 08/11/2020 07/12 - 17/01/2021	Đặng Quang Tuyến							1,2,3	A.701							Điều chỉnh
781	ĐH10C12	Tin học cơ sở	2	TH	16	8	19/10 - 08/11/2020 07/12 - 17/01/2021	Đặng Quang Tuyến							4,5	A.701							Điều chỉnh
782	ĐH10QTDL1	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Đặng Thanh Tùng									8,9,10	CS1					
783	ĐH10QTDL1	Triết học Mác Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đỗ Minh Anh							1, 2,3,4,	A.508							
784	ĐH10QTDL1	Triết học Mác Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Đỗ Minh Anh							1,2,3,4,5	A.508							

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần														Ghi chú
									Thứ Hai		Thứ Ba		Thứ Tư		Thứ Năm		Thứ Sáu		Thứ Bẩy		Chủ Nhật		
785	ĐH10QTDL1	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đặng Đức Chính Trần Vũ Anh									2,3,4,5	A.508					
786	ĐH10QTDL1	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Đặng Đức Chính Trần Vũ Anh									1,2,3,4,5	A.508					
787	ĐH10QTDL1	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Phạm Ngọc Thúy					1,2,3	A.508									
788	ĐH10QTDL1	Toán cao cấp	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Ngọc Linh			2,3,4,5	A.508											
789	ĐH10QTDL1	Toán cao cấp	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Ngọc Linh			1,2,3,4,5	A.508											
790	ĐH10QTDL1	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Cao Thị Bích Ngọc	2,3,4,5	A.106													
791	ĐH10QTDL1	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Cao Thị Bích Ngọc	1,2,3,4,5	A.106													
792	ĐH10QTDL1	Tin học đại cương	2	LT	21	7	19/10 - 06/12/2020	Lê Thị Thu Hà					6,7,8	A.708									
793	ĐH10QTDL1	Tin học đại cương	2	TH	18	7	19/10 - 06/12/2020	Lê Thị Thu Hà					9,10	A.708									
794	ĐH10QTDL1	Tin học đại cương	2	TH	18	1	07/12 - 13/12/2020	Lê Thị Thu Hà					6,7,8,9	A.708									
795	ĐH10QTDL2	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Phạm Như Trang							1,2,3	CS1							
796	ĐH10QTDL2	Triết học Mác Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đỗ Minh Anh							7,8,9,10	A.508							
797	ĐH10QTDL2	Triết học Mác Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Đỗ Minh Anh							6,7,8,9,10	A.508							
798	ĐH10QTDL2	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Phạm Thị Hồng Quế									6,7,8,9	A.508					
799	ĐH10QTDL2	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Phạm Thị Hồng Quế									6,7,8,9,10	A.508					
800	ĐH10QTDL2	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Bùi Thị Thu Hường					6,7,8	A.508									
801	ĐH10QTDL2	Toán cao cấp	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Lê Xuân Hùng			6,7,8,9	A.508											
802	ĐH10QTDL2	Toán cao cấp	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Lê Xuân Hùng			6,7,8,9,10	A.508											
803	ĐH10QTDL2	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Tống Thị Thu Hòa	6,7,8,9	A.105													
804	ĐH10QTDL2	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Tống Thị Thu Hòa	6,7,8,9,10	A.105													
805	ĐH10QTDL2	Tin học đại cương	2	LT	21	7	19/10 - 06/12/2020	Lê Thị Thu Hà					1,2,3	A.708									
806	ĐH10QTDL2	Tin học đại cương	2	TH	18	7	19/10 - 06/12/2020	Lê Thị Thu Hà					4,5	A.708									
807	ĐH10QTDL2	Tin học đại cương	2	TH	18	1	07/12 - 13/12/2020	Lê Thị Thu Hà					2,3,4,5	A.708									
808	ĐH10QTDL3	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Vũ Thị Nhàn					1,2,3	CS1									
809	ĐH10QTDL3	Triết học Mác Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Phương Thu									7,8,9,10	A.510					
810	ĐH10QTDL3	Triết học Mác Lênin	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Nguyễn Thị Phương Thu									6,7,8,9,10	A.510					
811	ĐH10QTDL3	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Mai Thị Hiền									1,2,3,4	A.807					
812	ĐH10QTDL3	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Mai Thị Hiền									1,2,3,4,5	A.807					

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần														Ghi chú
									Thứ Hai		Thứ Ba		Thứ Tư		Thứ Năm		Thứ Sáu		Thứ Bẩy		Chủ Nhật		
813	ĐH10QTDL3	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Trần Lệ Thu							6,7,8	A.510							
814	ĐH10QTDL3	Toán cao cấp	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Phùng Thị Kim Yến					6,7,8,9	A.510									
815	ĐH10QTDL3	Toán cao cấp	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Phùng Thị Kim Yến					6,7,8,9,10	A.510									
816	ĐH10QTDL3	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Trần Thu Hằng			6,7,8,9	C.202											
817	ĐH10QTDL3	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Trần Thu Hằng			6,7,8,9,10	C.202											
818	ĐH10QTDL3	Tin học đại cương	2	LT	21	7	19/10 - 06/12/2020	Trần Đức Nam							1,2,3	A.910							
819	ĐH10QTDL3	Tin học đại cương	2	TH	18	7	19/10 - 06/12/2020	Trần Đức Nam							4,5	A.910							
820	ĐH10QTDL3	Tin học đại cương	2	TH	18	1	07/12 - 13/12/2020	Trần Đức Nam							2,3,4,5	A.910							
821	ĐH10QTDL4	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Vũ Thị Nhàn									8,9,10	CS1					
822	ĐH10QTDL4	Triết học Mác Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Phương Thu									2,3,4,5	A.510					
823	ĐH10QTDL4	Triết học Mác Lênin	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Nguyễn Thị Phương Thu									1,2,3,4,5	A.510					
824	ĐH10QTDL4	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Hoàng Thị Tuyết Nhung	2,3,4,5	A.510													
825	ĐH10QTDL4	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Hoàng Thị Tuyết Nhung	1,2,3,4,5	A.510													
826	ĐH10QTDL4	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Vũ Thị Thùy Dung							1,2,3	A.510							
827	ĐH10QTDL4	Toán cao cấp	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Anh					2,3,4,5	A.510									
828	ĐH10QTDL4	Toán cao cấp	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Anh					1,2,3,4,5	A.510									
829	ĐH10QTDL4	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Tống Thị Thu Hòa			6,7,8,9	A.504											
830	ĐH10QTDL4	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Tống Thị Thu Hòa			6,7,8,9,10	A.504											
831	ĐH10QTDL4	Tin học đại cương	2	LT	21	7	19/10 - 06/12/2020	Trần Đức Nam							6,7,8	A.910							
832	ĐH10QTDL4	Tin học đại cương	2	TH	18	7	19/10 - 06/12/2020	Trần Đức Nam							9,10	A.910							
833	ĐH10QTDL4	Tin học đại cương	2	TH	18	1	07/12 - 13/12/2020	Trần Đức Nam							6,7,8,9	A.910							
834	ĐH10QTDL5	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Phạm Thị Yến			1,2,3	CS1											
835	ĐH10QTDL5	Triết học Mác Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Khuất Thị Nga	6,7,8,9	A.203													
836	ĐH10QTDL5	Triết học Mác Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Khuất Thị Nga	6,7,8,9,10	A.203													
837	ĐH10QTDL5	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Ngô Thị Hà			6,7,8,9	A.105											
838	ĐH10QTDL5	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Ngô Thị Hà			6,7,8,9,10	A.105											
839	ĐH10QTDL5	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Trần Nguyễn Thị Tâm Đan									6,7,8	A.105					
840	ĐH10QTDL5	Toán cao cấp	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Huyền Thư							6,7,8,9	A.105							

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần														Ghi chú
									Thứ Hai		Thứ Ba		Thứ Tư		Thứ Năm		Thứ Sáu		Thứ Bẩy		Chủ Nhật		
841	ĐH10QTDL5	Toán cao cấp	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Thị Huyền Thư							6,7,8,9,10	A.105							
842	ĐH10QTDL5	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Gia Thọ Đinh Mai Thanh					6,7,8,9	C.202									
843	ĐH10QTDL5	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Gia Thọ Đinh Mai Thanh					6,7,8,9,10	C.202									
844	ĐH10QTDL5	Tin học đại cương	2	LT	21	7	19/10 - 06/12/2020	Nguyễn Thị Hiền									1,2,3	A.801					
845	ĐH10QTDL5	Tin học đại cương	2	TH	18	7	19/10 - 06/12/2020	Nguyễn Thị Hiền									4,5	A.801					
846	ĐH10QTDL5	Tin học đại cương	2	TH	18	1	07/12 - 13/12/2020	Nguyễn Thị Hiền									2,3,4,5	A.801					
847	ĐH10QTDL6	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Đặng Thanh Tùng	8,9,10	CS1													
848	ĐH10QTDL6	Triết học Mác Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Khuất Thị Nga	1,2,3,4	A.105													
849	ĐH10QTDL6	Triết học Mác Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Khuất Thị Nga	1,2,3,4,5	A.105													
850	ĐH10QTDL6	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Mai Thị Hiền			1,2,3,4	A.105											
851	ĐH10QTDL6	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Mai Thị Hiền			1,2,3,4,5	A.105											
852	ĐH10QTDL6	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Bích									1,2,3	A.105					
853	ĐH10QTDL6	Toán cao cấp	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đàm Thanh Tuấn							2,3,4,5	A.105							
854	ĐH10QTDL6	Toán cao cấp	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Đàm Thanh Tuấn							1,2,3,4,5	A.105							
855	ĐH10QTDL6	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Trần Đình Trình					2,3,4,5	A.406									
856	ĐH10QTDL6	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Trần Đình Trình					1,2,3,4,5	A.406									
857	ĐH10QTDL6	Tin học đại cương	2	LT	21	7	19/10 - 06/12/2020	Nguyễn Thị Hiền									6,7,8	A.802					
858	ĐH10QTDL6	Tin học đại cương	2	TH	18	7	19/10 - 06/12/2020	Nguyễn Thị Hiền									9,10	A.802					
859	ĐH10QTDL6	Tin học đại cương	2	TH	18	1	07/12 - 13/12/2020	Nguyễn Thị Hiền									6,7,8,9	A.802					
860	ĐH10QTDL7	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Giáp Thanh Thủy			1,2,3	CS1											
861	ĐH10QTDL7	Triết học Mác Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Phương Thu			7,8,9,10	A.110											
862	ĐH10QTDL7	Triết học Mác Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Thị Phương Thu			6,7,8,9,10	A.110											
863	ĐH10QTDL7	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đặng Đức Chính Trần Vũ Anh					6,7,8,9	A.110									
864	ĐH10QTDL7	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Đặng Đức Chính Trần Vũ Anh					6,7,8,9,10	A.110									
865	ĐH10QTDL7	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Bùi Thị Thu Hường	6,7,8	A.110													
866	ĐH10QTDL7	Toán cao cấp	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Mai Ngọc Diệu									6,7,8,9	A.110					
867	ĐH10QTDL7	Toán cao cấp	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Mai Ngọc Diệu									6,7,8,9,10	A.110					
868	ĐH10QTDL7	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Trần Tuấn Anh							6,7,8,9	A.1002							

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần														Ghi chú
									Thứ Hai		Thứ Ba		Thứ Tư		Thứ Năm		Thứ Sáu		Thứ Bẩy		Chủ Nhật		
869	ĐH10QTDL7	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Trần Tuấn Anh							6,7,8,9,10	A.1002							
870	ĐH10QTDL7	Tin học đại cương	2	LT	21	7	19/10 - 06/12/2020	Nguyễn Thị Hiền	1,2,3	A.701													
871	ĐH10QTDL7	Tin học đại cương	2	TH	18	7	19/10 - 06/12/2020	Nguyễn Thị Hiền	4,5	A.701													
872	ĐH10QTDL7	Tin học đại cương	2	TH	18	1	07/12 - 13/12/2020	Nguyễn Thị Hiền	2,3,4,5	A.701													
873	ĐH10QTDL8	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Sỹ Nghị			8,9,10	CS1											
874	ĐH10QTDL8	Triết học Mác Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Phương Thu			2,3,4,5	A.110											
875	ĐH10QTDL8	Triết học Mác Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Thị Phương Thu			1,2,3,4,5	A.110											
876	ĐH10QTDL8	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Hoàng Thị Tuyết Nhung					2,3,4,5	A.110									
877	ĐH10QTDL8	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Hoàng Thị Tuyết Nhung					1,2,3,4,5	A.110									
878	ĐH10QTDL8	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Trần Nguyễn Thị Tâm Đan	1,2,3	A.110													
879	ĐH10QTDL8	Toán cao cấp	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Anh									2,3,4,5	A.110					
880	ĐH10QTDL8	Toán cao cấp	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Nguyễn Anh									1,2,3,4,5	A.110					
881	ĐH10QTDL8	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Cao Thị Bích Ngọc							2,3,4,5	A.203							
882	ĐH10QTDL8	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Cao Thị Bích Ngọc							1,2,3,4,5	A.203							
883	ĐH10QTDL8	Tin học đại cương	2	LT	21	7	19/10 - 06/12/2020	Nguyễn Thị Hiền	6,7,8	A.701													
884	ĐH10QTDL8	Tin học đại cương	2	TH	18	7	19/10 - 06/12/2020	Nguyễn Thị Hiền	9,10	A.701													
885	ĐH10QTDL8	Tin học đại cương	2	TH	18	1	07/12 - 13/12/2020	Nguyễn Thị Hiền	6,7,8,9	A.701													
886	ĐH10QTDL9	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Vũ Thị Nhàn			1,2,3	CS1											
887	ĐH10QTDL9	Triết học Mác Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Na Lê Thanh Thuỷ					7,8,9,10	A.105									
888	ĐH10QTDL9	Triết học Mác Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Thị Na Lê Thanh Thuỷ					6,7,8,9,10	A.105									
889	ĐH10QTDL9	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đinh Thị Hoài Ly							6,7,8,9	A.203							
890	ĐH10QTDL9	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Đinh Thị Hoài Ly							6,7,8,9,10	A.203							
891	ĐH10QTDL9	Pháp luật đại cương	2	LT	30	8	16/11 - 10/01/2021	Nguyễn Thị Bích			6,7,8,9	A.608											
892	ĐH10QTDL9	Toán cao cấp	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Tài Hoa	2,3,4,5	A.508													
893	ĐH10QTDL9	Toán cao cấp	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Tài Hoa	1,2,3,4,5	A.508													
894	ĐH10QTDL9	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Trần Tuấn Anh	6,7,8,9	N.201							6,7,8,9	A.1002					
895	ĐH10QTDL9	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Trần Tuấn Anh	6,7,8,9,10	N.201							6,7,8,9,10	A.1002					
896	ĐH10QTDL9	Tin học đại cương	2	LT	21	7	19/10 - 06/12/2020	Vũ Ngọc Phan					1,2,3	A.702									

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần														Ghi chú
									Thứ Hai		Thứ Ba		Thứ Tư		Thứ Năm		Thứ Sáu		Thứ Bẩy		Chủ Nhật		
897	ĐH10QTDL9	Tin học đại cương	2	TH	18	7	19/10 - 06/12/2020	Vũ Ngọc Phan					4,5	A.702									
898	ĐH10QTDL9	Tin học đại cương	2	TH	18	1	07/12 - 13/12/2020	Vũ Ngọc Phan					2,3,4,5	A.702									
899	ĐH10QTDL10	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Phạm Thị Yến					8,9,10	CS1									Điều chỉnh
900	ĐH10QTDL10	Triết học Mác Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Na Lê Thanh Thuỷ					2,3,4,5	N.201									
901	ĐH10QTDL10	Triết học Mác Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Thị Na Lê Thanh Thuỷ					1,2,3,4,5	N.201									
902	ĐH10QTDL10	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Cao Mai Hạnh									2,3,4,5	A.303					
903	ĐH10QTDL10	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Cao Mai Hạnh									1,2,3,4,5	A.303					
904	ĐH10QTDL10	Pháp luật đại cương	2	LT	30	8	16/11 - 10/01/2021	Vũ Thị Thùy Dung			2,3,4,5	A.503											
905	ĐH10QTDL10	Toán cao cấp	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Phùng Thị Kim Yến							2,3,4,5	A.303							
906	ĐH10QTDL10	Toán cao cấp	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Phùng Thị Kim Yến							1,2,3,4,5	A.303							
907	ĐH10QTDL10	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Trần Thu Hằng	2,3,4,5	A.408													
908	ĐH10QTDL10	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Trần Thu Hằng	1,2,3,4,5	A.408													
909	ĐH10QTDL10	Tin học đại cương	2	LT	21	7	19/10 - 06/12/2020	Lê Thị Thu Hà			6,7,8	A.708											
910	ĐH10QTDL10	Tin học đại cương	2	TH	18	7	19/10 - 06/12/2020	Lê Thị Thu Hà			9,10	A.708											
911	ĐH10QTDL10	Tin học đại cương	2	TH	18	1	07/12 - 13/12/2020	Lê Thị Thu Hà			6,7,8,9	A.708											
912	ĐH10QĐ1	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Vũ Thị Nhàn			8,9,10	CS1											
913	ĐH10QĐ1	Triết học Mác-Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Ngô Quang Duy							2,3,4,5	A.201							
914	ĐH10QĐ1	Triết học Mác-Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Ngô Quang Duy							1,2,3,4,5	A.201							
915	ĐH10QĐ1	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Văn Tám			1,2,3	A.201											
916	ĐH10QĐ1	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế, xã hội	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Ngọc Hồng	1,2,3	A.201													
917	ĐH10QĐ1	Tiếng Anh 1	3	LT	45	12	19/10 - 10/01/2021	Trần Xuân Hảo	4,5	A.201	4,5	A.201											
918	ĐH10QĐ1	Toán cao cấp 1	3	LT	45	11	19/10 - 10/01/2021	Đoàn Thị Thanh Huyền									1,2,3	A.201					
919	ĐH10QĐ1	Toán cao cấp 1	3	LT	45	2	28/12 - 10/01/2021	Đoàn Thị Thanh Huyền	1,2,3	A.201	1,2,3	A.201											
920	ĐH10QĐ1	Quản lý tài nguyên môi trường	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Bùi Thị Thu Trang					1,2,3	A.201									
921	ĐH10QĐ1	Hóa học đại cương	2	LT	30	8	19/10 - 13/12/2020	Nguyễn Thị Ánh Tuyết					4,5	A.201			4,5	A.201					
922	ĐH10QĐ2	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Trần Thị Thu Hà			1,2,3	CS1											
923	ĐH10QĐ2	Triết học Mác-Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Ngô Quang Duy							7,8,9,10	A.201							
924	ĐH10QĐ2	Triết học Mác-Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Ngô Quang Duy							6,7,8,9,10	A.201							

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần														Ghi chú
									Thứ Hai		Thứ Ba		Thứ Tư		Thứ Năm		Thứ Sáu		Thứ Bẩy		Chủ Nhật		
925	ĐH10QĐ2	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Trần Lệ Thu			6,7,8	A.201											
926	ĐH10QĐ2+LĐH	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế, xã hội	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Ngọc Hồng	6,7,8	A.201													
927	ĐH10QĐ2	Tiếng Anh 1	3	LT	45	12	19/10 - 10/01/2021	Trần Xuân Hào	9,10	A.201	9,10	A.201											
928	ĐH10QĐ2	Toán cao cấp 1	3	LT	45	11	19/10 - 10/01/2021	Nguyễn Thị Huyền Thư									6,7,8	A.201					
929	ĐH10QĐ2	Toán cao cấp 1	3	LT	45	2	28/12 - 10/01/2021	Nguyễn Thị Huyền Thư	6,7,8	A.201	6,7,8	A.201											
930	ĐH10QĐ2	Quản lý tài nguyên môi trường	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Bích Ngọc					6,7,8	A.201									
931	ĐH10QĐ2	Hóa học đại cương	2	LT	30	8	19/10 - 13/12/2020	Trần Thị Hường					9,10	A.201			9,10	A.201					
932	ĐH10QĐ3	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Phạm Văn Thành			1,2,3	CS1											
933	ĐH10QĐ3	Triết học Mác-Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Ngô Quang Duy									7,8,9,10	A.202					
934	ĐH10QĐ3	Triết học Mác-Lênin	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Ngô Quang Duy									6,7,8,9,10	A.202					
935	ĐH10QĐ3	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Phương Hồng					6,7,8	A.202									
936	ĐH10QĐ3	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế, xã hội	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Đào Văn Khánh			6,7,8	A.202											
937	ĐH10QĐ3	Tiếng Anh 1	3	LT	45	12	19/10 - 10/01/2021	Trần Thị Thùy Linh			9,10	A.202	9,10	A.202									
938	ĐH10QĐ3	Toán cao cấp 1	3	LT	45	11	19/10 - 03/01/2021	Đặng Thị Ngoan	6,7,8	A.604													
939	ĐH10QĐ3	Toán cao cấp 1	3	LT	45	2	28/12 - 10/01/2021	Đặng Thị Ngoan			6,7,8	A.202	6,7,8	A.202									
940	ĐH10QĐ3	Quản lý tài nguyên môi trường	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Hoài Thương							6,7,8	A.202							
941	ĐH10QĐ3	Hóa học đại cương	2	LT	30	8	19/10 - 13/12/2020	Lê Ngọc Anh	9,10	A.604					9,10	A.202							
942	ĐH10QĐ4	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Phạm Kiên Cường					8,9,10	CS1									
943	ĐH10QĐ4	Triết học Mác-Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Ngô Quang Duy									2,3,4,5	A.202					
944	ĐH10QĐ4	Triết học Mác-Lênin	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Ngô Quang Duy									1,2,3,4,5	A.202					
945	ĐH10QĐ4	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Phương Hồng					1,2,3	A.202									
946	ĐH10QĐ4	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế, xã hội	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Trọng Trường Sơn			1,2,3	A.202											
947	ĐH10QĐ4	Tiếng Anh 1	3	LT	45	12	19/10 - 10/01/2021	Đặng Đức Chính Lưu Thị Bích Phượng			4,5	A.202	4,5	A.202									
948	ĐH10QĐ4	Toán cao cấp 1	3	LT	45	11	19/10 - 03/01/2021	Nguyễn Thị Huyền	1,2,3	A.202													
949	ĐH10QĐ4	Toán cao cấp 1	3	LT	45	2	28/12 - 10/01/2021	Nguyễn Thị Huyền			1,2,3	A.202	1,2,3	A.202									
950	ĐH10QĐ4	Quản lý tài nguyên môi trường	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Hoài Thương							1,2,3	A.202							
951	ĐH10QĐ4	Hóa học đại cương	2	LT	30	8	19/10 - 13/12/2020	Bùi Thị Nha Trang	4,5	A.202					4,5	A.202							
952	ĐH10QĐ5	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Phạm Thị Yến					1,2,3	CS1									

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần														Ghi chú
									Thứ Hai		Thứ Ba		Thứ Tư		Thứ Năm		Thứ Sáu		Thứ Bẩy		Chủ Nhật		
953	ĐH10QĐ5	Triết học Mác-Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Mai Ngọc Uyên	7,8,9,10	A.304													
954	ĐH10QĐ5	Triết học Mác-Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Mai Ngọc Uyên	6,7,8,9,10	A.304													
955	ĐH10QĐ5	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Trần Nguyễn Thị Tâm Đan							1,2,3	A.110							
956	ĐH10QĐ5	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế, xã hội	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Lê Thị Kim Dung			1,2,3	A.402											
957	ĐH10QĐ5	Tiếng Anh 1	3	LT	45	12	19/10 - 10/01/2021	Đào Thị Thùy Linh					9,10	A.203	4,5	A.110							
958	ĐH10QĐ5	Toán cao cấp 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Trương Thị Hường			6,7,8,9	A.203											
959	ĐH10QĐ5	Toán cao cấp 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Trương Thị Hường			6,7,8,9,10	A.203											
960	ĐH10QĐ5	Quản lý tài nguyên môi trường	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Bùi Thị Nương									6,7,8	A.203					
961	ĐH10QĐ5	Hóa học đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Bùi Thị Nha Trang					6,7,8	A.203									
962	ĐH10QĐ6	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Đặng Thanh Tùng			8,9,10	CS1											
963	ĐH10QĐ6	Triết học Mác-Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Mai Ngọc Uyên					2,3,4,5	A.303									
964	ĐH10QĐ6	Triết học Mác-Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Mai Ngọc Uyên					1,2,3,4,5	A.303									
965	ĐH10QĐ6	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Phạm Ngọc Thúy			1,2,3	A.108											
966	ĐH10QĐ6	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế, xã hội	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Đào Văn Khánh									6,7,8	A.208					
967	ĐH10QĐ6	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 10/01/2021	Đào Thị Thùy Linh	7,8,9,10	A.501													
968	ĐH10QĐ6	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Đào Thị Thùy Linh	6,7,8,9,10	A.501													
969	ĐH10QĐ6	Toán cao cấp 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Huyền							6,7,8,9	A.110							
970	ĐH10QĐ6	Toán cao cấp 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Thị Huyền							6,7,8,9,10	A.110							
971	ĐH10QĐ6	Quản lý tài nguyên môi trường	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Bùi Thị Thu Trang									1,2,3	A.403					
972	ĐH10QĐ6	Hóa học đại cương	2	LT	30	8	19/10 - 13/12/2020	Trần Thị Hường			4,5	A.108					4,5	A.403					
973	ĐH10LQ1	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Phạm Thị Yến					8,9,10	CS1									
974	ĐH10LQ1	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Phương Thu					2,3,4,5	A.505									
975	ĐH10LQ1	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Thị Phương Thu					1,2,3,4,5	A.505									
976	ĐH10LQ1	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Văn Tám							1,2,3	A.505							
977	ĐH10LQ1	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Hoàng Thị Tuyết Nhung			2,3,4,5	A.505											
978	ĐH10LQ1	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Hoàng Thị Tuyết Nhung			1,2,3,4,5	A.505											
979	ĐH10LQ1	Toán cao cấp	3	LT	45	12	19/10 - 10/01/2021	Mai Ngọc Diệu	1,2,3	A.505													
980	ĐH10LQ1	Toán cao cấp	3	LT	45	2	28/12 - 10/01/2021	Mai Ngọc Diệu							1,2,3	A.505	1,2,3	A.505					

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần														Ghi chú
									Thứ Hai		Thứ Ba		Thứ Tư		Thứ Năm		Thứ Sáu		Thứ Bẩy		Chủ Nhật		
981	ĐH10LQ1	Kinh tế vi mô	3	LT	45	12	19/10 - 10/01/2021	Đỗ Thị Dinh							4,5	A.505	4,5	A.505					
982	ĐH10LQ1	Quản trị học	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Hoàng Thị Mai									1,2,3	A.505					
983	ĐH10LQ2	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Việt Hà									1,2,3	CS1					
984	ĐH10LQ2	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Phương Thu					7,8,9,10	A.505									
985	ĐH10LQ2	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Thị Phương Thu					6,7,8,9,10	A.505									
986	ĐH10LQ2	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Phương Hồng							6,7,8	A.505							
987	ĐH10LQ2	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Mai Thị Hiền			6,7,8,9	A.505											
988	ĐH10LQ2	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Mai Thị Hiền			6,7,8,9,10	A.505											
989	ĐH10LQ2	Toán cao cấp	3	LT	45	12	19/10 - 10/01/2021	Đoàn Thị Thanh Huyền	6,7,8	A.505													
990	ĐH10LQ2	Toán cao cấp	3	LT	45	2	28/12 - 10/01/2021	Đoàn Thị Thanh Huyền							6,7,8	A.505	6,7,8	A.505					
991	ĐH10LQ2	Kinh tế vi mô	3	LT	45	12	19/10 - 10/01/2021	Đỗ Thị Dinh Đinh Mai Thanh							9,10	A.505	9,10	A.505					
992	ĐH10LQ2	Quản trị học	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Hoàng Thị Mai									6,7,8	A.505					
993	ĐH10LQ3	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Vũ Thị Nhàn									1,2,3	CS1					
994	ĐH10LQ3	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Lê Thị Thùy Dung							7,8,9,10	A.506							
995	ĐH10LQ3	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Lê Thị Thùy Dung							6,7,8,9,10	A.506							
996	ĐH10LQ3	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Phạm Ngọc Thúy									6,7,8	A.506					
997	ĐH10LQ3	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đinh Thị Hoài Ly					6,7,8,9	A.506									
998	ĐH10LQ3	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Đinh Thị Hoài Ly					6,7,8,9,10	A.506									
999	ĐH10LQ3	Toán cao cấp	3	LT	45	12	19/10 - 10/01/2021	Phùng Thị Kim Yến			6,7,8	A.506											
1000	ĐH10LQ3	Toán cao cấp	3	LT	45	2	28/12 - 10/01/2021	Phùng Thị Kim Yến	6,7,8	A.506							6,7,8	A.506					
1001	ĐH10LQ3	Kinh tế vi mô	3	LT	45	12	19/10 - 10/01/2021	Nguyễn Gia Thọ Đinh Mai Thanh	9,10	A.506							9,10	A.506					
1002	ĐH10LQ3	Quản trị học	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Hà Quỳnh Mai	6,7,8	A.506													
1003	ĐH10LQ4	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	nguyễn Văn Tiến	8,9,10	CS1													
1004	ĐH10LQ4	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Mai Ngọc Uyên							7,8,9,10	C.202							
1005	ĐH10LQ4	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Mai Ngọc Uyên							6,7,8,9,10	C.202							
1006	ĐH10LQ4	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Phạm Quang Phương									1,2,3	A.506					
1007	ĐH10LQ4	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Phạm Thị Hồng Quế					2,3,4,5	A.506									
1008	ĐH10LQ4	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Phạm Thị Hồng Quế					1,2,3,4,5	A.506									

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần														Ghi chú
									Thứ Hai		Thứ Ba		Thứ Tư		Thứ Năm		Thứ Sáu		Thứ Bẩy		Chủ Nhật		
1009	ĐH10LQ4	Toán cao cấp	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Anh			2,3,4,5	A.506											
1010	ĐH10LQ4	Toán cao cấp	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Anh			1,2,3,4,5	A.506											
1011	ĐH10LQ4	Kinh tế vi mô	3	LT	45	12	19/10 - 10/01/2021	Vũ Quang Hải	4,5	A.506							4,5	A.506					
1012	ĐH10LQ4	Quản trị học	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Phạm Thị Phượng	1,2,3	A.506													
1013	ĐH10LQ5	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Phạm Văn Thành			8,9,10	CS1											
1014	ĐH10LQ5	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đỗ Minh Anh	2,3,4,5	A.304													
1015	ĐH10LQ5	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Đỗ Minh Anh	1,2,3,4,5	A.304													
1016	ĐH10LQ5	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Trần Nguyễn Thị Tâm Đan			1,2,3	A.401											
1017	ĐH10LQ5	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Ngô Thị Hà									1,2,3,4	N.201					
1018	ĐH10LQ5	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Ngô Thị Hà									1,2,3,4,5	N.201					
1019	ĐH10LQ5	Toán cao cấp	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Lê Thị Hương					2,3,4,5	A.604									
1020	ĐH10LQ5	Toán cao cấp	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Lê Thị Hương					1,2,3,4,5	A.604									
1021	ĐH10LQ5	Kinh tế vi mô	3	LT	45	12	19/10 - 10/01/2021	Tống Thị Thu Hòa			4,5	A.401			9,10	N.201							
1022	ĐH10LQ5	Quản trị học	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Vũ Thị Nhung							6,7,8	N.201							
1023	ĐH10NA1	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Phạm Thị Yến	8,9,10	CS1													
1024	ĐH10NA1	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Phương Thu							2,3,4,5	A.504							
1025	ĐH10NA1	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Thị Phương Thu							1,2,3,4,5	A.504							
1026	ĐH10NA1	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2029	Phạm Quang Phương					1,2,3	A.504									
1027	ĐH10NA1	Tiếng Trung 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Vũ Thị Minh Huyền									2,3,4,5	A.504					
1028	ĐH10NA1	Tiếng Trung 1	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Vũ Thị Minh Huyền									1,2,3,4,5	A.504					
1029	ĐH10NA1	Tiếng Việt thực hành	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Chiên			6,7,8,9	A.408											
1030	ĐH10NA1	Tiếng Việt thực hành	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Thị Chiên			6,7,8,9,10	A.408											
1031	ĐH10NA1_ Nhóm 1	Đọc - Viết 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Mai Thị Hiền	1,2,3,4	A.806													
1032	ĐH10NA1_ Nhóm 1	Đọc - Viết 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Mai Thị Hiền	1,2,3,4,5	A.806													
1033	ĐH10NA1_ Nhóm 2	Đọc - Viết 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Bùi Thị Oanh	2,3,4,5	A.504													
1034	ĐH10NA1_ Nhóm 2	Đọc - Viết 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Bùi Thị Oanh	1,2,3,4,5	A.504													
1035	ĐH10NA1_ Nhóm 1	Nghe - Nói 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đỗ Mai Quyên			1, 2,3,4	A.706											
1036	ĐH10NA1_ Nhóm 1	Nghe - Nói 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Đỗ Mai Quyên			1,2,3,4,5	A.706											

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần														Ghi chú
									Thứ Hai		Thứ Ba		Thứ Tư		Thứ Năm		Thứ Sáu		Thứ Bẩy		Chủ Nhật		
1037	ĐH10NA1_ Nhóm 2	Nghe - Nói 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đinh Thị Hoài Ly			2,3,4,5	A.705											
1038	ĐH10NA1_ Nhóm 2	Nghe - Nói 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Đinh Thị Hoài Ly			1,2,3,4,5	A.705											
1039	ĐH10NA2	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Phạm Thị Yến	1,2,3	CS1													
1040	ĐH10NA2	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Phương Thu							7,8,9,10	A.504							
1041	ĐH10NA2	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Thị Phương Thu							6,7,8,9,10	A.504							
1042	ĐH10NA2	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Văn Tám	6,7,8	A.504													
1043	ĐH10NA2	Tiếng Trung 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Vũ Thị Minh Huyền									6,7,8,9	A.504					
1044	ĐH10NA2	Tiếng Trung 1	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Vũ Thị Minh Huyền									6,7,8,9,10	A.504					
1045	ĐH10NA2	Tiếng Việt thực hành	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Chiên	9,10	A.504			4,5	A.504									
1046	ĐH10NA2	Tiếng Việt thực hành	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Thị Chiên	6,7,8,9,10	A.504													
1047	ĐH10NA2_ Nhóm1	Đọc - Viết 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Bùi Thị Oanh					6,7,8,9	A.504									
1048	ĐH10NA2_ Nhóm1	Đọc - Viết 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Bùi Thị Oanh					6,7,8,9,10	A.504									
1049	ĐH10NA2_ Nhóm2	Đọc - Viết 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Bùi Thị Oanh			2,3,4,5	A.806											
1050	ĐH10NA2_ Nhóm2	Đọc - Viết 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Bùi Thị Oanh			1,2,3,4,5	A.806											
1051	ĐH10NA2_ Nhóm1	Nghe - Nói 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đỗ Mai Quyên			6,7,8,9	A.705											
1052	ĐH10NA2_ Nhóm1	Nghe - Nói 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Đỗ Mai Quyên			6,7,8,9,10	A.705											
1053	ĐH10NA2_ Nhóm 2	Nghe - Nói 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đinh Thị Hoài Ly			6,7,8,9	A.706											
1054	ĐH10NA2_ Nhóm 2	Nghe - Nói 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Đinh Thị Hoài Ly			6,7,8,9,10	A.706											
1055	ĐH10NA3	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Phạm Như Trang									8,9,10	CS1					
1056	ĐH10NA3	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Khuất Thị Nga									2,3,4,5	A.405					
1057	ĐH10NA3	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Khuất Thị Nga									1,2,3,4,5	A.405					
1058	ĐH10NA3	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Phạm Ngọc Thúy	8,9,10	A.401													
1059	ĐH10NA3	Tiếng Trung 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Trọng Tính			2,3,4,5	A.403											
1060	ĐH10NA3	Tiếng Trung 1	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Nguyễn Trọng Tính			1,2,3,4,5	A.403											
1061	ĐH10NA3	Tiếng Việt thực hành	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Chiên							2,3,4,5	N.201							
1062	ĐH10NA3	Tiếng Việt thực hành	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Thị Chiên							1,2,3,4,5	N.201							
1063	ĐH10NA3_ Nhóm 1	Đọc - Viết 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Mai Thị Hiền					6,7,8,9	A.604									
1064	ĐH10NA3_ Nhóm 1	Đọc - Viết 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Mai Thị Hiền					6,7,8,9,10	A.604									

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần														Ghi chú
									Thứ Hai		Thứ Ba		Thứ Tư		Thứ Năm		Thứ Sáu		Thứ Bẩy		Chủ Nhật		
1065	ĐH10NA3_ Nhóm 2	Đọc - Viết 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Bùi Thị Oanh			6,7,8,9	A.806											
1066	ĐH10NA3_ Nhóm 2	Đọc - Viết 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Bùi Thị Oanh			6,7,8,9,10	A.806											
1067	ĐH10NA3_ Nhóm 1	Nghe - Nói 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đỗ Mai Quyên	1,2,3,4	A.705													
1068	ĐH10NA3_ Nhóm 1	Nghe - Nói 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Đỗ Mai Quyên	1,2,3,4,5	A.705													
1069	ĐH10NA3_ Nhóm 2	Nghe - Nói 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đinh Thị Hoài Ly	2,3,4,5	A.706													
1070	ĐH10NA3_ Nhóm 2	Nghe - Nói 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Đinh Thị Hoài Ly	1,2,3,4,5	A.706													
1071	ĐH10BK	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Giáp Thanh Thủy									8,9,10	CS1					Ghép ĐH10BĐS3
1072	ĐH10BK	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Trần Nguyễn Thị Tâm Đan	6,7,8	A.303													Ghép ĐH10BĐS2
1073	ĐH10BK	Toán cao cấp 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đặng Thị Ngoan			9,10	A.502	9,10	A.308									Điều chỉnh GV Ghép ĐH10M2
1074	ĐH10BK	Toán cao cấp 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Đặng Thị Ngoan			6,7,8,9,10	A.502											
1075	ĐH10BK	Hóa học đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Vũ Thị Thu Hà			6,7,8	A.402											Ghép ĐH10ĐA1
1076	ĐH10BK	Logic học đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Lê Xuân Tú					6,7,8	A.205									Ghép ĐH10LA3
1077	ĐH10BK+T+K+ TNN+TĐ	Vật lý đại cương	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Phạm Thị Trang	2,3,4,5	A.402													
1078	ĐH10BK+T+K+ TNN+TĐ	Vật lý đại cương	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Phạm Thị Trang	2,3,4,5	A.402													
1079	ĐH10T	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Phạm Thị Yến									8,9,10	CS1					Ghép ĐH10QTKD6
1080	ĐH10T	Kỹ năng mềm	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Liên	6,7,8	A.310													Ghép ĐH10QTKD8
1081	ĐH10T	Đại số	3	LT	45	10	19/10 - 06/12/2020 04/01 - 24/01/2021	Nguyễn Thị Trang					6,7,8,9	A.403									Ghép ĐH10C6
1082	ĐH10T	Đại số	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Nguyễn Thị Trang					6,7,8,9,10	A.403									
1083	ĐH10T	Tin học đại cương	2	LT	21	7	19/10 - 06/12/2020	Trần Đức Nam							1,2,3	A.910							Ghép ĐH10QTDL3
1084	ĐH10T	Tin học đại cương	2	TH	18	7	19/10 - 06/12/2020	Trần Đức Nam							4,5	A.910							Ghép ĐH10QTDL3
1085	ĐH10T	Tin học đại cương		TH	18	1	07/12 - 13/12/2020	Trần Đức Nam							2,3,4,5	A.910							Ghép ĐH10QTDL3
1086	ĐH10T	Giải tích 1	2	LT	30	8	19/10 - 06/12/2020 08/01 - 10/01/2021	Trương Thị Hường	9,10	A.505							6,7	C.202					Điều chỉnh Ghép ĐH10C4
1087	ĐH10K	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Trần Lệ Thu							6,7,8	A.510							Ghép ĐH10QTDL3
1088	ĐH10K	Đại số	3	LT	45	5	19/10 - 22/11/2020	Lê Thị Hương									2,3,4,5	A.406					Ghép ĐH10C9
1089	ĐH10K	Đại số	3	LT	45	5	23/11 - 27/12/2020	Lê Thị Hương									1,2,3,4,5	A.406					
1090	ĐH10K	Thiên văn	2	LT	30	8	19/10 - 13/12/2020	Lê Việt Hùng	6,7,8,9	C.312													
1091	ĐH10K	Giải tích 1	2	LT	30	8	19/10 - 13/12/2020	Nguyễn Thị Trang							9,10	A.410	9,10	A.105					Điều chỉnh Ghép ĐH10C9
1092	ĐH10TNN	Toán cao cấp 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Huyền							6,7,8,9	A.110							Ghép ĐH10QĐ6

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần														Ghi chú
									Thứ Hai		Thứ Ba		Thứ Tư		Thứ Năm		Thứ Sáu		Thứ Bẩy		Chủ Nhật		
1093	ĐH10TNN	Toán cao cấp 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Thị Huyền							6,7,8,9,10	A.110							
1094	ĐH10TNN	Tin học đại cương	2	LT	21	7	19/10 - 06/12/2020	Đỗ Thị Thu Nga							1,2,3	A.708							Ghép ĐH10QTKD8
1095	ĐH10TNN	Tin học đại cương	2	TH	18	7	19/10 - 06/12/2020	Đỗ Thị Thu Nga							4,5	A.708							
1096	ĐH10TNN	Tin học đại cương	2	TH	18	1	07/12 - 13/12/2020	Đỗ Thị Thu Nga							2,3,4,5	A.708							
1097	ĐH10TNN	Trắc địa đại cương	2	LT	30	10	02/11 - 10/01/2021	Nguyễn Xuân Thuỷ			6,7,8	C.312											
1098	ĐH10QB	Kỹ năng mềm	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Trần Quốc Việt			6,7,8	A.305											Ghép ĐH10QTKD1
1099	ĐH10QB	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Giáp Thanh Thủy							8,9,10	CS1							Ghép ĐH10M1
1100	ĐH10QB	Toán cao cấp 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Anh	2,3,4,5	A.1002													Ghép ĐH10ĐA1
1101	ĐH10QB	Toán cao cấp 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Anh	1,2,3,4,5	A.1002													
1102	ĐH10QB	Tin học đại cương	2	LT	21	7	09/11 - 27/12/2020	Lê Thị Thu Hà							1,2,3	A.710							Ghép ĐH10QTKS3
1103	ĐH10QB	Tin học đại cương	2	TH	18	7	09/11 - 27/12/2020	Lê Thị Thu Hà							4.5	A.710							
1104	ĐH10QB	Tin học đại cương	2	TH	18	1	04/01 - 10/01/2021	Lê Thị Thu Hà							2,3,4,5	A.710							
1105	ĐH10QB	Hóa học đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Vũ Thị Thu Hà					6,7,8	A.308									Ghép ĐH10M2
1106	ĐH10QB	Cơ sở địa lý biển và đại dương	2	LT	30	8	16/11 - 10/01/2021	Vũ Văn Lân									6,7,8,9	C.306					
1107	ĐH10KĐ	Kỹ năng mềm	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Ngô Thị Mến Thương	2,3,4	A.305													Ghép ĐH10QTKD2
1108	ĐH10KĐ	Đại số	3	LT	45	10	19/10 - 08/11/2020 07/12 - 24/01/2021	Lê Xuân Hùng	6,7,8,9	A.106													Ghép ĐH10C12
1109	ĐH10KĐ	Đại số	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Lê Xuân Hùng	6,7,8,9,10	A.106													
1110	ĐH10KĐ	Giải tích 1	2	LT	30	10	19/10 - 08/11/2020 07/12 - 24/01/2021	Nguyễn Thị Huyền Thư			6,7,8	A,604											Điều chỉnh Ghép ĐH10C2
1111	ĐH10KĐ	Tin học đại cương	2	LT	21	7	19/10 - 06/12/2020	Phạm Thị Thanh Thủy Lê Thị Thu Hà							6,7,8	A.702							Ghép ĐH10QTKD6
1112	ĐH10KĐ	Tin học đại cương	2	TH	18	7	19/10 - 06/12/2020	Phạm Thị Thanh Thủy Lê Thị Thu Hà							9,10	A.702							
1113	ĐH10KĐ	Tin học đại cương	2	TH	18	1	07/12 - 13/12/2020	Phạm Thị Thanh Thủy Lê Thị Thu Hà							6,7,8,9	A.702							
1114	ĐH10TĐ	Kỹ năng mềm	2	LT	30	8	19/10 - 13/12/2020	Phạm Ánh Tuyết	9,10	A.608	9,10	A.402											Ghép ĐH10QTKD10
1115	ĐH10TĐ	Đại số	3	LT	45	5	19/10 - 22/11/2020	Lê Xuân Hùng									6,7,8,9	A.406					Ghép ĐH10C10

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần														Ghi chú
									Thứ Hai		Thứ Ba		Thứ Tư		Thứ Năm		Thứ Sáu		Thứ Bẩy		Chủ Nhật		
1116	ĐH10TĐ	Đại số	3	LT	45	5	23/11 - 27/12/2020	Lê Xuân Hùng									6,7,8,9,10	A.406					
1117	ĐH10TĐ	Giải tích 1	2	LT	30	8	19/10 - 06/12/2020 04/01 - 10/01/2021	Nguyễn Thị Trang							2,3,4,5	A.503							Điều chỉnh Ghép ĐH10C3
1118	ĐH10TĐ	Tin học đại cương	2	LT	21	7	19/10 - 06/12/2020	Trần Đức Nam							6,7,8	A.910							Ghép ĐH10QTDL4
1119	ĐH10TĐ	Tin học đại cương	2	TH	18	7	19/10 - 06/12/2020	Trần Đức Nam							9,10	A.910							
1120	ĐH10TĐ	Tin học đại cương	2	TH	18	1	07/12 - 13/12/2020	Trần Đức Nam							6,7,8,9	A.910							

- Thời khóa biểu này thay thế Thời khóa biểu số 4009/TKB - TĐHHN của Hiệu trưởng trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội ban hành ngày 15/10/2020.

Nơi nhận:
- Chủ tịch HĐ Trường (để b/c);
- Ban Giám Hiệu;
- Trưởng các đơn vị trực thuộc Trường;
- Phân hiệu Trường;
- Website Trường;
- Lưu: VT, ĐT.VH (2).

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

Vũ Đại Tuyên